

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2015-2017

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoá: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 22A

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XH/TN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.004	Trần Thị Ngọc	Châu	17/04/1990	Bình Đại, Bến Tre	7.6	0.0	8.0			8.0			8.5			8.2	7.9	Khá
2	21.03.15.001	Trần Quang	Bình	19/5/1990	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	0.0	M			7.0			7.0			7.0	6.9	Trung bình khá
3	21.03.15.002	Võ Ngọc Trân	Châu	07/12/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.8	0.0	M			9.0			7.5			8.3	8.1	Giỏi
4	21.03.15.003	Đào Quốc	Cường	22/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.5	0.0	7.0			6.0			5.5			6.2	6.4	Trung bình khá
5	21.03.15.004	Búi Thị Ngọc	Diệu	02/7/1984	Mỹ Tho, Tiền Giang	8.3	0.0	10			9.0			8.0			9.0	8.7	Giỏi
6	21.03.15.005	Đoàn Thị Phương	Dung	14/12/1993	Châu Thành, Tiền Giang	7.0	0.0	M			7.5			7.5			7.5	7.3	Khá
7	21.03.15.009	Huỳnh Hương	Giang	08/6/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	5.6	7.5			8.0			6.0			7.2	7.0	Khá
8	21.03.15.010	Huỳnh Thị Ngọc	Hạnh	02/4/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.8	0.0	9.0			8.0			6.5			7.8	7.8	Khá
9	21.03.15.012	Lê Thị Ngọc	Hiển	17/3/1983	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	1.4	M			7.0			6.5			6.8	6.8	Trung bình khá
10	21.03.15.013	Đoàn Thanh	Hiển	10/02/1990	Cái Bè, Tiền Giang	6.9	5.6	3.5	9.0		7.0			5.5			7.2	7.1	Khá
11	21.03.15.016	Lê Nguyệt	Huê	18/10/1997	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.3	5.6	5.0			7.5			5.0			5.8	6.1	Trung bình khá
12	21.03.15.017	Nguyễn Thị Kim	Huệ	13/12/1987	Cái Lậy, Tiền Giang	8.0	0.0	M			9.0			9.0			9.0	8.5	Giỏi
13	21.03.15.022	Huỳnh Văn	Khuông	14/02/1994	Già Rai, Bạc Liêu	7.0	5.6	8.5			8.0			7.0			7.8	7.4	Khá
14	21.03.15.023	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	22/4/1992	Châu Thành, Tiền Giang	7.4	0.0	M			9.0			8.0			8.5	8.0	Giỏi
15	21.03.15.027	Trần Thị Trúc	Ly	24/01/1983	Bình Đại, Bến Tre	8.1	2.5	7.0			8.0			7.5			7.5	7.8	Khá
16	21.03.15.028	Lê Minh	Mẫn	01/6/1993	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.6	8.3	M			8.0			7.0			7.5	7.1	Khá
17	21.03.15.029	Lê Hồng	Muội	01/10/1992	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.9	5.6	7.5			7.0			8.0			7.5	7.2	Khá
18	21.03.15.032	Trần Thị Kim	Ngân	20/02/1993	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	0.0	M			7.0			7.0			7.0	7.2	Khá
19	21.03.15.033	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	20/4/1984	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.5	1.4	M			7.0			7.0			7.0	6.8	Trung bình khá
20	21.03.15.035	Cao Trần Thảo	Nguyên	24/4/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	6.7	7.0			7.0			6.5			6.8	6.8	Trung bình khá
21	21.03.15.036	Lê Thị Bé	Nguyên	04/4/1994	Cái Lậy, Tiền Giang	8.3	0.0	9.0			9.0			9.0			9.0	8.7	Giỏi
22	21.03.15.039	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	28/12/1994	Cái Bè, Tiền Giang	7.1	3.3	9.0			7.0			6.5			7.5	7.3	Khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
23	21.03.15.040	Trần Thị Mỹ	Phượng	25/11/1993	Cái Bè, Tiền Giang	7.9	0.0	9.0			8.5			9.0			8.8	8.4	Giỏi
24	21.03.15.041	Phan Thị Kim	Quyên	07/4/1984	Châu Thành, Bến Tre	7.2	5.7	7.5			8.0			7.0			7.5	7.4	Khá
25	21.03.15.042	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	12/4/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.2	0.0	M			8.0			6.5			7.3	7.3	Khá
26	21.03.15.043	Ngô Thị Thu	Thảo	07/5/1992	Cái Lậy, Tiền Giang	6.7	1.4	M			7.0			7.5			7.3	7.0	Khá
27	21.03.15.046	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	18/6/1995	Cái Lậy, Tiền Giang	7.0	5.6	8.0			6.5			5.5			6.7	6.9	Trung bình khá
28	21.03.15.047	Phạm Anh	Thúy	26/9/1985	Gò Đông Đông, Tiền Giang	7.0	0.0	7.5			7.0			7.0			7.2	7.1	Khá
29	21.03.15.048	Nguyễn Thanh	Thúy	27/3/1995	Châu Thành, Tiền Giang	8.4	0.0	9.5			9.5			9.0			9.3	8.9	Giỏi
30	21.03.15.049	Võ Anh	Thư	15/8/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.6	6.3	8.5			7.0			5.5			7.0	6.8	Trung bình khá
31	21.03.15.051	Dương Thị Cẩm	Tiên	15/11/1997	Tân Phước, Tiền Giang	7.0	8.9	9.0			7.0			6.5			7.5	7.3	Khá
32	21.03.15.053	Đinh Thị Huyền	Trang	16/7/1987	Vĩnh Hưng, Long An	7.4	0.0	9.0			8.0			7.5			8.2	7.8	Khá
33	21.03.15.054	Lê Ngọc	Trình	15/6/1994	Tân Phú Đông, Tiền Giang	8.1	0.0	M			8.5			8.5			8.5	8.3	Giỏi
34	21.03.15.056	Châu Phương	Trúc	15/10/1995	Sa Đéc, Đồng Tháp	6.6	6.7	9.0			7.5			6.0			7.5	7.1	Khá
35	21.03.15.057	Lê Thị Thanh	Tuyền	17/11/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	4.4	8.0			7.0			6.0			7.0	7.0	Khá
36	21.03.15.058	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	16/8/1993	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.1	6.7	7.5			7.0			6.5			7.0	7.1	Khá
37	21.03.15.059	Nguyễn Ngọc Tường	Vì	17/9/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.4	13.3	8.5			6.0			6.5			7.0	6.7	Trung bình khá
38	21.03.15.060	Đào Thị Ngọc	Yến	31/7/1991	Nam Trục, Nam Định	6.6	17.1	M			6.5			5.0			5.8	6.2	Trung bình khá
39	21.03.15.061	Trương Hoàng Ngọc	Yến	16/11/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	7.8	8.5			7.0			5.0			6.8	6.7	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 39 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	11	28.21%
Giỏi	8	20.51%	TB	0	0.00%
Khá	20	51.28%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại

- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2

- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:

+ Có TL ĐVHT KD>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)

+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

- Thi lại tốt nghiệp:

+ Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.

+ Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Hùng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *144*/QĐ-CDYT, ngày *14* tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2015-2017

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 22A

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBSH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.15.025	Phạm Khánh Minh Loan	19/7/1978	Châu Thành, Tiền Giang	6.3	24.7	7.5			6.0			4.5			6.0	6.2	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 1 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày *14* tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2015-2017

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

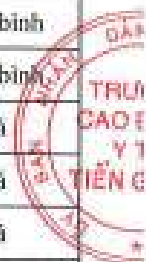
Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 22B

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.15.062	Đào Thị Thủy An	21/07/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	6,5	18,9	8,5			5,0			5,0			6,2	6,4	Trung bình khá
2	21.03.15.071	Nguyễn Anh Duy	02/1994	Cái Bè, Tiền Giang	7,7	0,0	M			7,0			7,0			7,0	7,4	Khá
3	21.03.15.072	Mai Gia Hân	15/9/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6,3	3,3	6,5			5,5			5,5			5,8	6,1	Trung bình khá
4	21.03.15.073	Ngô Thị Thùy Hân	02/9/1997	Gò Công Đông, Tiền Giang	6,3	8,9	6,0			5,0			6,5			5,8	6,1	Trung bình khá
5	21.03.15.077	Hồ Dạ Yến	16/3/1997	Tân An, Long An	6,0	26,7	5,0			5,5			5,5			5,3	5,7	Trung bình
6	21.03.15.080	Phan Thị Diễm My	16/9/1997	Bình Đại, Bến Tre	6,3	4,4	5,0			6,0			5,5			5,5	5,9	Trung bình
7	21.03.15.082	Trần Thị Tuyết Nga	25/10/1981	Châu Thành, Tiền Giang	7,6	0,0	8,5			7,5			8,0			8,0	7,8	Khá
8	21.03.15.095	Lê Thị Ngọc Phụng	27/12/1997	Gò Công Đông, Tiền Giang	7,0	0,0	8,0			6,5			6,5			7,0	7,0	Khá
9	21.03.15.096	Mai Thị Phụng	01/6/1992	Gò Công Đông, Tiền Giang	7,7	0,0	M			8,0			8,0			8,0	7,9	Khá
10	21.03.15.099	Nguyễn Thị Sang	30/01/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6,3	11,1	6,0			5,5			6,5			6,0	6,2	Trung bình khá
11	21.03.15.100	Lê Thị Hoa Sen	25/9/1990	Bến Lức, Long An	7,4	0,0	8,0			8,0			7,5			7,8	7,6	Khá
12	21.03.15.104	Đoàn Cường Thịnh	24/9/1997	Tân Phước, Tiền Giang	6,4	1,1	3,0	9,0		7,0			6,5			7,5	7,0	Khá
13	21.03.15.106	Ngô Thị Cẩm Tiên	02/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6,7	12,2	7,5			6,0			7,0			6,8	6,8	Trung bình khá
14	21.03.15.111	Bùi Thị Lê Trinh	21/4/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6,1	12,2	5,5			5,5			5,0			5,3	5,7	Trung bình
15	21.03.15.113	Nguyễn Thị Thảo Trinh	19/01/1997	Cái Bè, Tiền Giang	6,9	11,1	6,0			7,0			6,5			6,5	6,7	Trung bình khá
16	21.03.15.115	Lâm Thị Yến Tuyết	06/7/1994	Giồng Trôm, Bến Tre	7,0	0,0	5,0			7,5			7,0			6,5	6,8	Trung bình khá
17	21.03.15.116	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	14/8/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6,8	1,1	5,0			6,0			6,0			5,7	6,3	Trung bình khá



STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
18	21.03.15.121	Nguyễn Ngọc Hải Yến	22/02/1997	Châu Thành, Tiền Giang	6.3	6.7	5.0			5.5			7.0			5.8	6.1	Trung bình khá

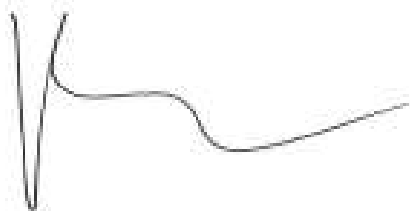
Tổng cộng danh sách này có: 18 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Ti lệ	Xếp loại	SL	Ti lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	9	50.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	3	16.67%
Khá	6	33.33%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại

- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2

- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:

+ Có TL ĐVHT KD>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)

+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

- Thi lại tốt nghiệp:

+ Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.

+ Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi



DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *144/QĐ-CDYT*, ngày *14* tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2015-2017

Ngành DT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 22B

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBMH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.15.074	Phan Phương	Hân	10/6/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.5	14.4	4.0	9.0		7.0			4.5			6.8	6.7	Không đạt
2	21.03.15.091	Lê Ngọc Cẩm	Nhung	14/9/1997	Châu thành, Tiền Giang	6.2	3.3	2.5	8.5		4.5			5.0			6.0	6.1	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 2 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày *14* tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2015-2017

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 22C

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.15.031	Bùi Thị Kim	Ngân	06/01/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.3	0.0	M			7.5			7.5			7.5	7.4	Khá
2	21.03.15.122	Võ Thị Kim	Chi	10/6/1997	Thạnh Phú, Bến Tre	7.5	1.1	8.5			7.5			7.5			7.8	7.7	Khá
3	21.03.15.123	Nguyễn Văn	Đề	24/02/1997	Tân Thạnh, Long An	6.5	8.9	5.0			6.0			5.5			5.5	6.0	Trung bình khá
4	21.03.15.128	Nguyễn Văn	Ém	25/10/1997	Thạnh Hóa, Long An	6.2	8.9	6.0			8.0			6.0			6.7	6.5	Trung bình khá
5	21.03.15.130	Trần Thanh Mỹ	Hạnh	23/6/1994	Cái Bè, Tiền Giang	7.3	5.6	7.0			7.5			6.0			6.8	7.1	Khá
6	21.03.15.131	Trần Thị Mỹ	Hằng	23/8/1997	Gò Công, Tiền Giang	6.6	6.7	6.0			6.5			6.5			6.3	6.5	Trung bình khá
7	21.03.15.141	Nguyễn Thị Trà	My	25/11/1997	Cái Lậy, Tiền Giang	6.6	8.9	8.0			5.5			7.0			6.8	6.7	Trung bình khá
8	21.03.15.142	Lê Ngọc	Mỹ	1997	Cái Lậy, Tiền Giang	7.8	0.0	9.0			9.0			9.5			9.2	8.5	Giỏi
9	21.03.15.143	Lê Thị Ngọc	Nga	24/4/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	8.9	6.5			5.5			5.0			5.7	6.2	Trung bình khá
10	21.03.15.145	Nguyễn Thị Diễm	Ngân	27/4/1997	Giồng Trôm, Bến Tre	6.7	3.3	6.5			6.5			6.0			6.3	6.5	Trung bình khá
11	21.03.15.146	Trần Thanh	Nhà	01/8/1997	TP Bến Tre, Bến Tre	6.4	4.4	5.5			5.5			6.5			5.8	6.1	Trung bình khá
12	21.03.15.149	Cao Thị	Nhi	19/4/1988	Trà Ôn, Vĩnh Long	7.1	0.0	8.5			8.5			7.0			8.0	7.6	Khá
13	21.03.15.151	Lê Thị Huỳnh	Như	08/11/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.6	0.0	5.0			6.5			6.0			5.8	6.2	Trung bình khá
14	21.03.15.152	Nguyễn Huỳnh	Như	13/5/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.3	10.0	7.5			5.5			6.5			6.5	6.4	Trung bình khá
15	21.03.15.153	Bùi Hữu Minh	Nhật	21/4/1992	Châu Thành, Tiền Giang	6.4	7.8	7.0			7.0			5.5			6.5	6.5	Trung bình khá
16	21.03.15.154	Đặng Hoài	Phương	18/4/1995	Cái Bè, Tiền Giang	5.9	0.0	5.0			5.0			5.5			5.2	5.6	Trung bình
17	21.03.15.155	Khuê Chung	Phước	07/8/1997	Bình Đại, Bến Tre	6.6	8.0	8.0			7.0			6.5			7.2	6.9	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
18	21.03.15.159	Nguyễn Hoàng Diễm Quỳnh	09/12/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	8.9	6.5			6.0			5.5			6.0	6.3	Trung bình khá
19	21.03.15.163	Dương Hoàng Chánh Thạch	17/01/1997	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.3	5.6	7.5			7.0			6.5			7.0	6.7	Trung bình khá
20	21.03.15.169	Nguyễn Thị Mến Thương	13/10/1997	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	1.1	8.5			7.0			5.5			7.0	6.9	Trung bình khá
21	21.03.15.171	Lê Cẩm Tiên	19/5/1997		6.3	4.4	8.0			5.0			5.0			6.0	6.2	Trung bình khá
22	21.03.15.172	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	10/8/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.4	12.2	8.0			7.5			5.5			7.0	6.7	Trung bình khá
23	21.03.15.177	Trần Thanh Văn	13/01/1988	Cái Bè, Tiền Giang	6.9	7.1	M			7.5			5.5			6.5	6.7	Trung bình khá
24	21.03.15.178	Nguyễn Huỳnh Thủy Vi	21/11/1996	Tỉnh Bến Tre	6.5	5.6	5.5			5.0			5.5			5.3	5.9	Trung bình
25	21.03.15.182	Phan Thị Tuyền Vy	15/9/1997	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.7	14.4	5.5			6.5			5.0			5.7	6.2	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 25 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	18	72.00%
Giỏi	1	4.00%	TB	2	8.00%
Khá	4	16.00%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại

- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2

- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:

+ Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)

+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

- Thi lại tốt nghiệp:

+ Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.

+ Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *144/QĐ-CDYT*, ngày *14* tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2015-2017

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 22C

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.15.147	Nguyễn Thị Trang	Nhi	07/3/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.4	13.3	7.0			6.5		4.0			5.8	6.1	Không đạt
2	21.03.15.168	Lê Thị Thanh	Thúy	26/8/1992	Cái Bè, Tiền Giang	6.2	8.9	6.0			6.0		4.0			5.3	5.8	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 2 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày *14* tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2015-2017

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 22D

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.15.124	Nguyễn Thị Dung	20/12/1988	Châu Thành, Tiền Giang	6.9	5.6	6.0			7.5			6.0			6.5	6.7	Trung bình khá
2	21.03.15.186	Phạm Ngọc Duyên	02/01/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.3	5.6	9.0			7.5			7.5			8.0	7.7	Khá
3	21.03.15.187	Đỗ Hà Minh Đức	02/8/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.0	0.0	M			7.0			6.5			6.8	6.9	Trung bình khá
4	21.03.15.183	Mai Thanh Hải	04/12/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.1	0.0	7.0			8.0			7.5			7.5	7.3	Khá
5	21.03.15.014	Lê Ngọc Hiệp	12/12/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	1.1	7.5			6.0			6.5			6.7	6.9	Trung bình khá
6	21.03.15.019	Nguyễn Thị Diễm Hương	01/11/1996	Cai lậy, Tiền Giang	6.8	0.0	8.5			6.0			7.0			7.2	7.0	Khá
7	21.03.15.021	Hồ Thị Kim Khuyên	22/10/1990	Cao Lãnh, Đồng Tháp	8.1	0.0	M			9.0			8.0			8.5	8.3	Giỏi
8	21.03.15.189	Lê Thị Thanh Mai	08/08/1995	Châu Phú, An Giang	6.5	0.0	7.0			5.5			5.0			5.8	6.2	Trung bình khá
9	21.03.15.030	Huỳnh Thị Tuyết Nga	07/10/1997	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.6	2.2	8.0			7.0			7.0			7.3	7.0	Khá
10	21.03.15.083	Lê Huỳnh Ngân	22/4/1997	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	5.6	6.0			5.5			5.5			5.7	6.3	Trung bình khá
11	21.03.15.037	Nguyễn Đoàn Kiều Nhi	17/11/1997	Cái Bè, Tiền Giang	6.9	3.3	8.5			6.5			5.0			6.7	6.8	Trung bình khá
12	21.03.15.150	Phạm Thị Tuyết Nhung	28/11/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	10.0	6.5			6.0			6.0			6.2	6.6	Trung bình khá
13	21.03.15.092	Đoàn Quỳnh Như	01/7/1992	TP Hồ Chí Minh	7.2	0.0	M			9.0			6.0			7.5	7.4	Khá
14	21.03.15.094	Phạm Hoàng Phi	19/11/1983	Giồng Trôm, Bến Tre	6.5	8.9	6.0			8.0			6.5			6.8	6.7	Trung bình khá
15	21.03.15.156	Nguyễn Thiện Quang	19/9/1983	Châu Thành, Tiền Giang	7.9	0.0	M			9.5			9.0			9.3	8.6	Giỏi
16	21.03.15.097	Giăng Thị Nhã Quyên	21/8/1997	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.5	6.7	6.0			5.5			5.5			5.7	6.1	Trung bình khá
17	21.03.15.160	Nguyễn Minh Sơn	01/6/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.1	0.0	M			6.0			7.0			6.5	6.8	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
18	21.03.15.162	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/9/1980	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	0.0	5.0			8.0			6.5			6.5	6.9	Trung bình khá
19	21.03.15.103	Nguyễn Thị Minh Thi	21/10/1993	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	0.0	M			7.5			7.0			7.3	7.3	Khá
20	21.03.15.050	Lê Tri Thức	14/5/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	1.1	5.5			7.0			5.5			6.0	6.4	Trung bình khá
21	21.03.15.188	Hàng Hữu Toàn	07/4/1994	Châu Thành, Tiền Giang	7.0	6.7	5.5			6.0			5.5			5.7	6.4	Trung bình khá
22	21.03.15.052	Âu Thị Huyền Trang	1996	Tỉnh Vĩnh Long	6.6	10.0	7.0			5.0			6.0			6.0	6.3	Trung bình khá
23	21.03.15.108	Huỳnh Hoa Sơn	20/4/1997	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.0	5.6	8.5			7.0			5.5			7.0	7.0	Khá
24	21.03.15.175	Huỳnh Thị Lệ Trinh	28/3/1997	Cảng Long, Trà Vinh	7.1	0.0	6.5			7.0			7.5			7.0	7.1	Khá

Tổng cộng danh sách này có: 24 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	14	58.33%
Giỏi	2	8.33%	TB	0	0.00%
Khá	8	33.33%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại

- TBXH=(TBC TK+TBTN)/2

- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:

+ Có TL ĐVHT KĐ > 10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)

+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

- Thi lại tốt nghiệp:

+ Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.

+ Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vĩ



DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2015-2017

Ngành ĐT: Điều dưỡng đa khoa

Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học

Chuyên ngành: Điều dưỡng trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Điều dưỡng trung cấp 22

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.01.15.021	Trần Ngọc Huỳnh Như	09/10/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	8.0	6.0			7.0			7.5			6.8	6.8	Trung bình khá
2	21.01.15.022	Võ Ngọc Huỳnh Như	16/10/1997	TP Hồ Chí Minh	7.5	0.0	8.5			7.5			7.5			7.8	7.7	Khá
3	21.01.15.002	Lê Văn Tuấn Cảnh	06/8/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	4.5	6.0			6.5			7.5			6.7	6.8	Trung bình khá
4	21.01.15.005	Huỳnh Thị Kim Chi	21/10/1997	Châu Thành, Tiền Giang	6.6	18.2	5.0			7.0			7.5			6.5	6.6	Trung bình khá
5	21.01.15.006	Phạm Thị Ngọc Diễm	17/7/1997	Mỏ Cày, Bến Tre	6.9	13.6	6.0			7.0			7.0			6.7	6.8	Trung bình khá
6	21.01.15.007	Võ Ngọc Dung	14/01/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	10.2	6.0			6.0			7.5			6.5	6.7	Trung bình khá
7	21.01.15.008	Đào Thế Đang	08/02/1996	Châu Thành, Tiền Giang	7.4	3.4	9.0			7.0			9.0			8.3	7.9	Khá
8	21.01.15.009	Phạm Thanh Giàu	26/10/1997	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.9	14.8	6.5			6.0			7.0			6.5	6.7	Trung bình khá
9	21.01.15.017	Nguyễn Thị Ca Mi	01/8/1997	Châu Thành, Tiền Giang	6.9	6.8	8.5			7.5			8.5			8.2	7.6	Khá
10	21.01.15.018	Đặng Kim Ngân	13/6/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	5.7	9.0			7.0			7.5			7.8	7.4	Khá
11	21.01.15.019	Huỳnh Thị Mỹ Ngân	15/4/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.9	0.0	7.0			6.5			7.5			7.0	7.0	Khá
12	21.01.15.020	Nguyễn Thị Trúc Ngân	10/11/1994	Mỏ Cày, Bến Tre	6.7	9.1	4.0	8.5		7.0			8.0			7.8	7.3	Khá
13	21.01.15.023	Đặng Ngọc Sang	02/12/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	9.1	5.0			6.5			5.5			5.7	6.2	Trung bình khá
14	21.01.15.024	Nguyễn Phước Sang	13/11/1997	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.8	8.0	7.5			6.5			8.0			7.3	7.1	Khá
15	21.01.15.025	Dương Thị Hồng Sương	27/8/1997	Cái Bè, Tiền Giang	6.9	2.3	8.0			6.5			7.5			7.3	7.1	Khá

DANH SÁCH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ
TIỀN GIANG

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
16	21.01.15.026	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	11/08/1997	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	5.7	5.0			6.5			8.0			6.5	6.6	Trung bình khá
17	21.01.15.028	Lê Ngọc Kiều Trang	09/8/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.9	0.0	9.0			6.5			8.5			8.0	7.5	Khá

Tổng cộng danh sách này có: 17 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	8	47.06%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	9	52.94%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Văn Thanh K2:

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
 - + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng VI



DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *144* /QĐ-CDYT, ngày *14* tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2015-2017

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.6A

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.15.002	Nguyễn Hữu	Bách	12/03/1997	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.6	0.0	8.0			6.0			6.5			6.8	7.2	Khá
2	21.06.15.003	Phạm Thị Mộng	Cầm	19/07/1997	Cái Lậy, Tiền Giang	7.2	7.3	6.5			6.0			4.0	9.0		7.2	7.2	Khá
3	21.06.15.004	Nguyễn Thị Kim	Chi	15/12/1997	Cái Lậy, Tiền Giang	8.0	0.0	7.5			6.5			7.0			7.0	7.5	Khá
4	21.06.15.005	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	05/11/1996	Bình đại, Bến Tre	7.3	8.5	5.5			6.5			5.0			5.7	6.5	Trung bình khá
5	21.06.15.006	Phạm Thị Trường	Duy	28/02/1994	Châu Thành, Tiền Giang	7.7	0.0	6.0			6.5			M			6.3	7.0	Khá
6	21.06.15.007	Trần Mỹ	Duyên	19/6/1993	Cao Lãnh, Đồng Tháp	6.8	7.1	5.0			5.0			2.5	9.0		6.3	6.6	Trung bình khá
7	21.06.15.008	Lê Minh	Đào	20/6/1991	Châu Thành, Tiền Giang	7.4	0.0	7.0			6.5			6.5			6.7	7.1	Khá
8	21.06.15.009	Huỳnh Thị Hồng	Hạnh	25/12/1997	Châu Thành, Bến Tre	7.3	0.0	7.5			6.0			8.5			7.3	7.3	Khá
9	21.06.15.010	Lê Hùng	Hậu	01/01/1996	Tháp Mười, Đồng Tháp	7.3	4.7	6.0			6.5			5.0			5.8	6.6	Trung bình khá
10	21.06.15.011	Trần Chí	Huy	01/08/1997	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	5.9	7.0			7.0			6.0			6.7	7.0	Khá
11	21.06.15.012	Lê Thị Ngọc	Huyền	06/02/1993	Ba Trĩ, Bến Tre	7.9	0.0	7.5			7.0			7.0			7.2	7.6	Khá
12	21.06.15.013	Huỳnh Quốc	Khải	06/10/1994	Cái Bè, Tiền Giang	7.5	0.0	8.5			6.5			5.0			6.7	7.1	Khá
13	21.06.15.015	Nguyễn Thị Chúc	Lam	19/04/1997	Cái Bè, Tiền Giang	7.4	0.0	8.5			5.5			5.0			6.3	6.9	Trung bình khá
14	21.06.15.017	Lê Thị Mỹ	Linh	20/01/1995	Cái Lậy, Tiền Giang	7.7	0.0	7.0			7.0			7.5			7.2	7.5	Khá
15	21.06.15.019	Nguyễn Thị Thanh	Mỹ	15/03/1997	Cái Bè, Tiền Giang	7.0	3.5	6.5			6.0			5.0			5.8	6.4	Trung bình khá
16	21.06.15.023	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/10/1991	Bệnh viện đa khoa An Giang, tỉnh An Giang	8.3	0.0	9.0			8.0			M			8.5	8.4	Giỏi
17	21.06.15.024	Nguyễn Thị	Nguyễn	23/3/1989	Ba Trĩ, Bến Tre	7.9	0.0	7.0			6.5			M			6.8	7.4	Khá
18	21.06.15.025	Phan Thị Thanh	Nhà	12/02/1996	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	7.7	0.0	6.0			6.0			6.0			6.0	6.9	Trung bình khá
19	21.06.15.028	Lê Thị Quỳnh	Nhu	29/9/1995	Châu Thành, Tiền Giang	7.2	0.0	5.5			6.0			0.0	9.0		6.8	7.0	Khá
20	21.06.15.029	Trần Công	Nhật	26/02/1997	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	7.1	7.0			6.5			6.5			6.7	7.0	Khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
21	21.06.15.030	Lê Thị Trúc	Ninh	28/06/1993	Tân Thạnh, Long An	7.6	0.0	7.5			6.5			7.0			7.0	7.3	Khá
22	21.06.15.031	Nguyễn Đại	Phước	18/12/1997	Bệnh viện Long An, Long An	7.6	0.0	7.0			5.5			8.5			7.0	7.3	Khá
23	21.06.15.032	Phan Đình Hoài	Phong	16/8/1997	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	7.4	3.5	6.5			6.0			7.0			6.5	7.0	Khá
24	21.06.15.034	Huỳnh Thị Yến	Phượng	19/02/1997	Cái Bè, Tiền Giang	7.5	0.0	5.0			6.0			7.5			6.2	6.9	Trung bình khá
25	21.06.15.035	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	15/05/1995	Bệnh viện Đa Khoa Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	7.5	0.0	5.5			7.0			7.5			6.7	7.1	Khá
26	21.06.15.036	Nguyễn Văn	Quốc	29/12/1997	Châu Thành, Tiền Giang	7.4	3.5	5.0			6.0			5.5			5.5	6.5	Trung bình khá
27	21.06.15.039	Lê Minh	Tài	04/06/1997	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	0.0	6.0			5.0			6.5			5.8	6.3	Trung bình khá
28	21.06.15.040	Đặng Thị Thanh	Tâm	22/03/1973	Mỹ Tho, Tiền Giang	8.0	0.0	6.5			6.0			7.0			6.5	7.3	Khá
29	21.06.15.042	Võ Thị Ngọc	Thị	13/11/1997	Cái Lậy, Tiền Giang	7.1	3.7	6.0			6.0			6.5			6.2	6.7	Trung bình khá
30	21.06.15.043	Nguyễn Thị Hoài	Thu	24/07/1996	Bệnh viện phụ sản TP. Hồ Chí Minh	7.1	5.9	6.5			6.5			3.0	8.0		7.0	7.1	Khá
31	21.06.15.044	Nguyễn Thị Anh	Thu	30/12/1997	Cái Lậy, Tiền Giang	8.2	0.0	7.5			7.0			7.0			7.2	7.7	Khá
32	21.04.14.036	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	26/03/1996	Thanh Phú, Bến Tre	7.3	0.0	6.5			6.5			5.0			6.0	6.7	Trung bình khá
33	21.06.15.046	Đương Trần Bảo	Trần	27/7/1997	Cái Bè, Tiền Giang	7.3	9.4	6.5			6.0			5.0			5.8	6.6	Trung bình khá
34	21.06.15.049	Võ Thị Thùy	Vi	17/8/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.4	0.0	5.5			6.5			8.5			6.8	7.1	Khá

Tổng cộng danh sách này có: 34 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	12	35.29%
Giỏi	1	2.94%	TB	0	0.00%
Khá	21	61.76%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



RS Tuấn Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại

- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2

- Học tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:

+ Có TL ĐVHT KB>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)

+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

- Thi lại tốt nghiệp:

+ Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.

+ Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *144/QĐ-CDYT*, ngày *14* tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2015-2017

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.6A

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.15.047	Lê Thanh	Trúc	24/4/1995	Mỏ Cây Bặc, Bến Tre	6.4	12.9	5.0			4.5			7.0			5.5	6.0	Không đạt
2	21.06.15.016	Lê Thị Khánh	Linh	20/4/1997	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.5	17.7	5.5			4.5			4.0	8.5		6.2	6.4	Không đạt
3	21.06.15.022	Lê Trọng	Nghĩa	26/09/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	10.6	6.0			4.5			4.0	8.5		6.3	6.7	Không đạt
4	21.06.15.027	Nguyễn Phúc	Nhân	05/09/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	3.5	5.0			4.5			6.5			5.3	6.1	Không đạt
5	21.06.15.048	Nguyễn Thanh	Tùng	18/10/1981	Cái Bè, Tiền Giang	7.2	1.2	5.5			6.0			2.5	3.0		4.8	6.0	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: **5 học sinh.**

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày *14* tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 444/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2015-2017

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.6B

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBXH	XRTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.05.14.036	Đào Bá	Vĩnh	25/07/1996	Tân Phước, Tiền Giang	6.6	7.1	6.0			5.5			5.0			5.5	6.1	Trung bình khá
2	21.06.15.052	Nguyễn Thụy ngọc	Bích	19/11/1997	Châu Thành, Tiền Giang	7.0	0.0	6.0			7.0			5.5			6.2	6.6	Trung bình khá
3	21.06.15.055	Lê Quốc	Cường	16/01/1997	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.6	0.0	7.0			7.5			8.5			7.7	7.7	Khá
4	21.06.15.056	Dương Nguyễn	Duy	2/5/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	1.2	5.0			5.0			7.0			5.7	6.4	Trung bình khá
5	21.06.15.058	Lương Thế	Duy	12/07/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	4.7	5.0			5.5			6.0			5.5	6.3	Trung bình khá
6	21.06.15.059	Nguyễn Thúy Ngân	Duyên	19/01/1997	Giồng Trôm, Bến Tre	8.2	0.0	8.5			7.5			7.0			7.7	8.0	Giỏi
7	21.06.15.062	Trương Thị Cẩm	Giang	28/09/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	7.2	4.9	5.0			6.0			5.0			5.3	6.3	Trung bình khá
8	21.06.15.063	Bùi Thị Kim	Hiếu	03/08/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	6.1	7.0			5.5			8.5			7.0	7.0	Khá
9	21.06.15.064	Lê Thế	Hiển	22/12/1999	Giồng Trôm, Bến Tre	7.1	8.2	5.5			5.0			5.5			5.3	6.2	Trung bình khá
10	21.06.15.066	Phạm Lê Quốc	Khải	02/03/1997	Tháp Mười, Đồng Tháp	6.9	0.0	6.5			5.0			6.5			6.0	6.5	Trung bình khá
11	21.06.15.068	Phan Trần Kha	My	12/06/1997	Thị Xã Gò Công, Tiền Giang	7.4	0.0	6.5			6.0			5.0			5.8	6.6	Trung bình khá
12	21.06.15.069	Đinh Hoàng	Nam	01/01/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	5.9	5.0			5.5			6.0			5.5	6.2	Trung bình khá
13	21.06.15.070	Đỗ Thiên	Ngân	20/10/1996	Châu Thành, Tiền Giang	7.5	3.5	9.0			6.5			8.5			8.0	7.8	Khá
14	21.06.15.072	Nguyễn Đoàn Mỹ	Ngọc	27/10/1997	Thành Phố Hồ Chí Minh	7.0	0.0	7.0			5.5			5.0			5.8	6.4	Trung bình khá
15	21.06.15.077	Phạm Hoài	Phong	17/02/1997	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.0	0.0	7.0			5.5			6.0			6.2	6.6	Trung bình khá
16	21.06.15.078	Nguyễn Hồng Tuyết	Phượng	08/7/1997	TT An Phú, An Giang	7.7	0.0	8.0			6.5			6.0			6.8	7.3	Khá
17	21.06.15.081	Nguyễn Phước	Thiện	07/11/1991	Châu Thành, Tiền Giang	7.7	0.0	6.5			7.5			M			7.0	7.4	Khá
18	21.06.15.083	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	25/6/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.7	4.7	6.0			5.5			3.5	8.5		6.7	6.7	Trung bình khá
19	21.06.15.084	Trần Thị Thủy	Trang	25/11/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	8.1	3.5	7.0			6.5			6.5			6.7	7.4	Khá
20	21.06.15.085	Trần Thị Huỳnh	Trần	28/6/1997		7.5	3.5	6.5			6.0			8.5			7.0	7.3	Khá
21	21.06.15.086	Trần Nguyễn	Trọng	03/07/1997	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.0	4.7	5.0			6.0			6.5			5.8	6.4	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
22	21.06.15.087	Nguyễn Anh Tuấn	04/08/1997	Tháp Mười, Đồng Tháp	7.7	0.0	8.0			6.5			8.5			7.7	7.7	Khá
23	21.06.15.089	Trương Thị Hữu Ý	09/12/1958	Cai Lậy, Tiền Giang	7.1	5.1	6.5			5.5			5.0			5.7	6.4	Trung bình khá

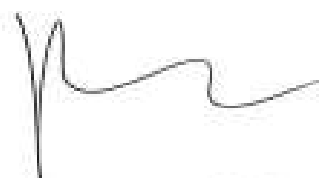
Tổng cộng danh sách này có: 23 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	14	60.87%
Giỏi	1	4.35%	TB	0	0.00%
Khá	8	34.78%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
 - + Có TL ĐVHT KD>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vĩ



DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2015-2017

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.6B

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBNH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.15.061	Nguyễn Trần Lâm Hồng	Gấm	17/07/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	7.3	6.0		4.5			6.5			5.7	6.3	Không đạt
2	21.06.15.065	Huỳnh Quốc	Khánh	15/12/1997	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	4.7	6.5		4.5			5.5			5.5	6.2	Không đạt
3	21.06.15.074	Trần Thanh	Nhân	07/04/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	4.7	6.0		4.5			5.0			5.2	6.1	Không đạt
4	21.06.15.088	Nguyễn Thị Cẩm	Tô	05/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.3	0.0	4.5		6.0			5.0			5.2	6.3	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 4 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



B.S. Trần Khanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2015-2017

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.6C

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								THNN			LTH			CTTN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.15.090	Hoàng Tuấn	Anh	15/10/1996	Duy Tiên, Hà Nam	6,9	5,9	6,0			5,5			5,5			5,7	6,3	Trung bình khá
2	21.06.15.091	Nguyễn Huỳnh Tử	Anh	24/6/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	7,0	12,9	5,5			6,0			5,5			5,7	6,4	Trung bình khá
3	21.06.15.095	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	12/01/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	7,4	0,0	7,5			5,5			8,5			7,2	7,3	Khá
4	21.06.15.097	Bàì Hổ	Hải	17/10/1997	Cái Bè, Tiền Giang	6,9	3,5	7,0			5,5			8,0			6,8	6,9	Trung bình khá
5	21.06.15.098	Nguyễn Quốc	Hải	05/11/1997	Châu Thành, Bến Tre	7,9	0,0	7,5			8,0			8,0			7,8	7,9	Khá
6	21.06.15.100	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	25/11/1997	Cái Bè, Tiền Giang	7,1	3,5	7,5			6,5			6,5			6,8	7,0	Khá
7	21.06.15.102	Trần Huy	Hùng	25/12/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6,9	3,5	7,5			5,5			6,5			6,5	6,7	Trung bình khá
8	21.06.15.103	Dương Thị Diễm	Hương	23/7/1997	Gò Công Đông, Tiền Giang	6,8	10,6	5,5			5,0			7,0			5,8	6,3	Trung bình khá
9	21.06.15.104	Nguyễn Võ Trúc	Liều	30/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	7,1	4,7	6,5			6,0			7,0			6,5	6,8	Trung bình khá
10	21.06.15.107	Võ Thị Thùy	Linh	23/3/1985	Gò Công Tây, Tiền Giang	8,0	0,0	6,0			6,0			8,5			6,8	7,4	Khá
11	21.06.15.110	Mai Thị Diễm	My	23/12/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	7,9	0,0	7,5			7,5			9,0			8,0	8,0	Giỏi
12	21.06.15.114	Phạm Quỳnh	Như	24/12/1996	Mộc Hóa, Long An	6,9	3,5	7,5			5,5			6,0			6,3	6,6	Trung bình khá
13	21.06.15.118	Phan Minh	Thanh	08/11/1997	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	6,9	0,0	6,5			5,5			8,5			6,8	6,9	Trung bình khá
14	21.06.15.119	Trần Thị Ngọc	Thảo	7/4/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	6,9	7,1	7,0			6,5			7,5			7,0	7,0	Khá
15	21.06.15.122	Vân Thị Huyền	Trang	31/5/1996	Châu Thành, Tiền Giang	7,7	0,0	8,0			7,0			8,0			7,7	7,7	Khá
16	21.06.15.123	Trần Thị Mỹ	Trà	08/10/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7,0	0,0	7,0			6,5			6,5			6,7	6,9	Trung bình khá
17	21.06.15.125	Nguyễn Ngọc Trúc	Trình	09/10/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7,3	0,0	7,5			6,5			8,0			7,3	7,3	Khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
18	21.06.15.126	Nguyễn Thị Loan	Trình	03/4/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.2	4.9	5.5		6.0			5.5			5.7	6.5	Trung bình khá
19	21.06.15.127	Trương Thị Thảo	Trình	01/01/1997	Châu Thành, Tiền Giang	7.1	4.7	6.5		5.5			8.5			6.8	7.0	Khá
20	21.06.15.128	Nguyễn Thanh	Tô	16/02/1997	Châu Thành, Tiền Giang	7.2	4.7	6.5		5.5			8.0			6.7	7.0	Khá
21	21.06.15.129	Nguyễn Văn	Tùng	03/4/1996	Anh Sơn, Nghệ An	6.7	7.1	5.0		5.5			8.0			6.2	6.5	Trung bình khá

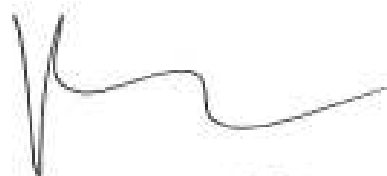
Tổng cộng danh sách này có: 21 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	11	52.38%
Giỏi	1	4.76%	TB	0	0.00%
Khá	9	42.86%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH = (TBCTK + TBTN) / 2
- Hàng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:
 - + Có TL ĐVHT KĐ > 10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi



DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *144/QĐ-CDYT*, ngày *14* tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2015-2017

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.6C

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.15.093	Nguyễn Thị Phương Dung	27/11/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	7.1	6.0			4.5			7.0			5.8	6.3	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: **1 học sinh.**

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày *14* tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2015-2017

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.6Đ

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBNH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.15.134	Võ Minh Châu	22/10/1997	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.5	1.2	7.0			6.5			8.0			7.2	7.4	Khá
2	21.06.15.135	Vương Võ Ngọc Châu	06/05/1997	Vũng Tàu	7.2	2.4	8.5			6.5			7.0			7.3	7.3	Khá
3	21.06.15.137	Trần Thành Đạt	22/03/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	4.7	7.0			5.0			6.5			6.2	6.6	Trung bình khá
4	21.06.15.138	Dương Nguyễn Quang Hạ	11/07/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	5.9	7.5			6.0			6.0			6.5	6.7	Trung bình khá
5	21.06.15.139	Nguyễn Thị Thanh Hằng	28/2/1997	Châu Thành, Tiền Giang	7.4	1.2	8.0			6.0			8.5			7.5	7.5	Khá
6	21.06.15.141	Huỳnh Thái Học	23/01/1997	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.0	2.4	9.0			6.5			8.5			8.0	7.5	Khá
7	21.06.15.143	Võ Phú Hùng	22/05/1997	Bình Đại, Bến Tre	6.7	9.4	6.5			6.5			6.5			6.5	6.6	Trung bình khá
8	21.06.15.144	Nguyễn Thị Diễm Hương	13/10/1997	Châu Thành, Tiền Giang	7.1	0.0	6.0			7.0			8.0			7.0	7.1	Khá
9	21.06.15.145	Huỳnh Mộng Kha	24/04/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	2.4	9.0			6.5			8.5			8.0	7.5	Khá
10	21.06.15.146	Dương Nhật Minh	28/04/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.2	1.2	9.5			7.0			8.0			8.2	7.7	Khá
11	21.06.15.147	Nguyễn Hải My	28/9/1997	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.9	1.2	6.5			5.0			8.0			6.5	6.7	Trung bình khá
12	21.06.15.149	Huỳnh Trọng Nhân	22/02/1997	Tân Thạnh, Long An	7.3	1.2	6.0			7.0			9.0			7.3	7.3	Khá
13	21.06.15.150	Nguyễn Thị Yên Nhi	10/03/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.4	0.0	8.5			6.0			7.0			7.2	7.3	Khá
14	21.06.15.151	Nguyễn Hữu Nhuận	10/10/1991	Cai Lậy, Tiền Giang	8.2	0.0	9.5			8.5			8.0			8.7	8.5	Giỏi
15	21.06.15.152	Trần Thị Cẩm Nhung	04/08/1997	Gò Công Đông, Tiền Giang	7.0	0.0	8.5			7.5			7.5			7.8	7.4	Khá
16	21.06.15.153	Phạm Văn Niên	01/01/1997	Vĩnh Thanh, Đồng Tháp	7.5	0.0	8.5			7.5			7.5			7.8	7.7	Khá
17	21.06.15.154	Lâm Mỹ Phụng	27/3/1997	Châu Thành, Tiền Giang	7.4	1.2	6.0			7.0			9.0			7.3	7.4	Khá



STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
18	21.06.15.156	Lê Văn Quân	04/07/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	1.2	6.5			6.0			7.0			6.5	6.7	Trung bình khá
19	21.06.15.161	Trương Thị Mộng Thu	12/01/1997	Bình Đại, Bến Tre	6.9	1.2	8.5			6.5			8.5			7.8	7.4	Khá
20	21.06.15.162	Trương Thị Thanh Thủy	15/05/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.2	3.5	8.0			6.0			8.5			7.5	7.4	Khá
21	21.06.15.164	Trần Thị Thủy Tiên	28/9/1997	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	7.1	1.2	7.0			6.0			9.0			7.3	7.2	Khá
22	21.06.15.165	Phan Văn Tiến	06/01/1989	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	9.8	5.5			5.5			8.0			6.3	6.5	Trung bình khá
23	21.06.15.166	Nguyễn Hữu Toàn	20/7/1997	Tháp Mười, Đồng Tháp	7.2	3.5	9.0			7.0			8.5			8.2	7.7	Khá
24	21.06.15.168	Nguyễn Thị Trang	08/08/1995	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.8	2.4	6.5			5.0			8.5			6.7	6.8	Trung bình khá
25	21.06.15.173	Nguyễn Thị Phương Uyên	21/08/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.9	4.7	6.0			5.0			8.5			6.5	6.7	Trung bình khá
26	21.06.15.174	Huỳnh Thị Ngự Uyên	25/05/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	1.2	6.5			5.5			8.0			6.7	6.9	Trung bình khá
27	21.06.15.175	Trần Nguyễn Xuân Vinh	14/03/1997	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, Bến Tre	7.0	3.5	7.5			6.0			8.0			7.2	7.1	Khá
28	21.06.15.176	Huỳnh Phương Vũ	27/08/1997	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	6.8	5.9	5.5			5.0			7.5			6.0	6.4	Trung bình khá
29	21.06.15.177	Huỳnh Tường Vy	15/8/1997	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, Bến Tre	7.0	1.2	6.0			5.0			7.0			6.0	6.5	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 29 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	11	37.93%
Giỏi	1	3.45%	TB	0	0.00%
Khá	17	58.62%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
+ Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
+ Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
+ Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Hùng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2015-2017

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.6D

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							THNN			LTTH			CTTN			TBTN	TBMH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.15.140	Nguyễn Hồng Gia Hân	25/2/1997	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	5.9	5.0			4.5			6.5			5.3	6.0	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 1 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vĩ

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Danh sách theo Quyết định số: 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2017

Khoa: Y

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Hộ sinh

Chuyên ngành: Hộ sinh cao đẳng

Lớp học: Hộ sinh cao đẳng 2

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập TBCTL	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	11.02.14.001	Lê Thị Thủy An	06/03/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	3.16	Khá	
2	11.02.14.004	Nguyễn Thị Ngọc Dung	16/11/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	3.27	Giỏi	
3	11.02.14.005	Vũ Thị Kim Dung	25/04/1994	Định Mỹ, Bến Tre	3.06	Khá	
4	11.02.14.006	Nguyễn Hồng Duyên	05/06/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.28	Giỏi	
5	11.02.14.007	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	16/07/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.43	Khá	
6	11.02.14.008	Nguyễn Thị Cẩm Giang	12/12/1994	Ba Trè, Bến Tre	3.28	Giỏi	
7	11.02.14.010	Hồ Thị Thủy Hương	09/11/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.08	Khá	
8	11.02.14.011	Nguyễn Thị Xuân Hương	13/04/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	3.21	Giỏi	
9	11.02.14.012	Nguyễn Ngọc Huyền	25/01/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.08	Khá	
10	11.02.14.014	Huỳnh Thị Trúc Linh	02/07/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.12	Khá	
11	11.02.14.018	Tôn Thị Ngọc Ngân	01/01/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.04	Khá	
12	11.02.14.020	Vũ Hồng Ngà	15/11/1996	Thạnh Hòa, Long An	3.25	Giỏi	
13	11.02.14.021	Phạm Thị Hồng Nhung	01/11/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.25	Giỏi	
14	11.02.14.022	Lê Thị Hồng Phấn	20/06/1996	Tiền Giang	3.17	Khá	
15	11.02.14.023	Ngô Thị Mỹ Phương	06/09/1996	Phước Tân, An Giang	2.96	Khá	
16	11.02.14.024	Đoàn Thị Kim Thoa	08/02/1996	Long An	3.19	Khá	
17	11.02.14.026	Vũ Thị Thanh Thủy	28/06/1995	Mộc Hóa, Long An	3.19	Khá	
18	11.02.14.027	Đào Thị Thu Thủy	10/05/1994	Châu Thành, Tiền Giang	3.20	Giỏi	
19	11.02.14.028	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	24/11/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	3.44	Khá	
20	11.02.14.029	Lê Thị Dương Trish	13/05/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	3.06	Khá	
21	11.02.14.031	Phạm Lê Linh Vy	28/05/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	3.07	Khá	

Tổng cộng danh sách này có: 21

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	7	33.33%	TB	0	0.00%
Khá	14	66.67%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

 HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hùng Vi

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoa học: 2014-2017

Ngành đào tạo: Điều dưỡng

Khoá: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học

Chuyên ngành: Điều dưỡng cao đẳng

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Lớp học: Điều dưỡng cao đẳng 7D

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
						TBCTL		
1	11.01.14.139	Lê Thị Loan	Cháu	06/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.92	Khá	
2	11.01.14.140	Huỳnh Thị	Chú	05/01/1996	Bình Đại, Bến Tre	2.92	Khá	
3	11.01.14.141	Nguyễn Thị Kiều	Điểm	06/01/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.94	Khá	
4	11.01.14.143	Nguyễn Thị Hồng	Đuyến	23/10/1996	Bến Tre	3.00	Khá	
5	11.01.14.144	Nguyễn Ngọc	Gấu	04/01/1995	Cái Bè, Tiền Giang	3.35	Giỏi	
6	11.01.14.145	Bồ Thị Thu	Hồng	02/01/1996	Cái Bè, Tiền Giang	3.08	Khá	
7	11.01.14.146	Đoàn Thị Lệ	Hồng	20/7/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.30	Giỏi	
8	11.01.14.147	Nguyễn Quốc	Khánh	01/01/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.60	Trung bình	
9	11.01.14.148	Nguyễn Thị Kim	Khởi	19/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.88	Khá	
10	11.01.14.149	Lê Thị Thủy	Kiến	12/10/1996	Chợ Lách, Bến Tre	3.11	Khá	
11	11.01.14.150	Lâm Chân Hoàng	Liên	20/01/1995	Cái Lậy, Tiền Giang	5.08	Khá	
12	11.01.14.151	Lê Mỹ	Linh	21/12/1996	Bến Tre	3.35	Giỏi	
13	11.01.14.152	Huỳnh Thị	Mỹ	05/01/1996	Bình Đại, Bến Tre	3.00	Khá	
14	11.01.14.154	Nguyễn Phạm Thủy	Ngân	08/01/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.23	Giỏi	
15	11.01.14.155	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/01/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	2.97	Khá	
16	11.01.14.156	Đặng Phương	Ngọc	26/01/1996	Ngọc Hòa, Cà Mau	2.89	Khá	
17	11.01.14.157	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	02/01/1995	Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	2.94	Khá	
18	11.01.14.158	Nguyễn Minh	Nguyễn	27/02/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.48	Giỏi	
19	11.01.14.159	Trần Thị Yến	Nhi	16/01/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.93	Khá	
20	11.01.14.160	Huỳnh Thị Yến	Nhi	23/01/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	3.38	Giỏi	
21	11.01.14.161	Lê Thị Huyền	Như	06/01/1996	Cái Bè, Tiền Giang	3.16	Khá	
22	11.01.14.163	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	17/01/1996	Bến Tre	2.88	Khá	
23	11.01.14.164	Bùi Du Thái An Vinh	Sai	26/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.91	Khá	
24	11.01.14.165	Đặng Dụ	Thảo	25/01/1996	Châu Thành, Bến Tre	2.94	Khá	
25	11.01.14.166	Hồ Thị Thu	Thảo	19/01/1996	Tân Phước, Tiền Giang	3.36	Giỏi	
26	11.01.14.167	Nguyễn Thị Kim	Thoa	04/11/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.88	Khá	
27	11.01.14.168	Nguyễn Thị Kim	Thoa	02/10/1996	Bến Tre	3.28	Giỏi	
28	11.01.14.169	Nguyễn Lê Anh	Thu	06/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.81	Khá	
29	11.01.14.170	Huỳnh Ngọc	Thúy	05/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.55	Giỏi	
30	11.01.14.172	Bồ Huỳnh	Trang	10/01/1996	Cái Bè, Tiền Giang	3.25	Giỏi	



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú	
					TBC/TL			
31	11.01.14.123	Ngô Mai Huyền	Trang	03/12/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.19	Khá	
32	11.01.14.174	Nguyễn Thị Thủy	Trang	17/01/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	3.02	Khá	
33	11.01.14.175	Trần Thị Thủy	Trang	09/01/1995	Châu Thành, Bến Tre	3.24	Giỏi	
34	11.01.14.176	Cao Thị Tuyết	Trình	28/11/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.04	Khá	
35	11.01.14.177	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	17/7/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.87	Khá	
36	11.01.14.178	Trần Thị Ngọc	Tuyền	30/12/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	3.33	Giỏi	
37	11.01.14.180	Trần Thị	Út	05/11/1996	Tân Bình, Vĩnh Long	2.93	Khá	
38	11.01.14.181	Nguyễn Thị Thủy	Uyên	03/10/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	2.89	Khá	
39	11.01.14.182	Phạm Thị Ngọc	Vân	11/07/1996	Châu Thành, Bến Tre	3.01	Khá	
40	11.01.14.183	Lê Nghĩa	Bình	23/08/1995	TP Bến Tre, Bến Tre	3.02	Khá	
41	11.01.14.184	Huỳnh Minh	Thúc	03/8/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	2.83	Khá	
42	11.01.14.185	Phạm Thị Thủy	Hà	18/6/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	3.23	Giỏi	
43	11.01.14.186	Nguyễn Trúc	Quỳnh	20/03/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.98	Khá	
44	11.01.14.188	Nguyễn Đình	Đuy	10/11/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.78	Trung bình	

Tổng cộng danh sách này có: 44

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	13	29.55%	TB	1	4.55%
Khá	29	65.91%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH


BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Hùng Vĩ

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Bản hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CĐYT, ngày 17 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

Khóa học: 2014-2017

Ngành đào tạo: Điều dưỡng

Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học

Chuyên ngành: Điều dưỡng cao đẳng

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Lớp học: Điều dưỡng cao đẳng 7C

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
						TBCTL		
1	11.01.14.002	Tiền Đoàn Hoàng	Anh	26/04/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.98	Khá	
2	11.01.14.003	Tiền Mỹ	Châu	16/12/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.28	Giỏi	
3	11.01.14.004	Nguyễn Tài Hồng	Đào	22/05/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	3.07	Khá	
4	11.01.14.005	Tiền Thị Kim	Đào	21/03/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.60	Khá	
5	11.01.14.006	Phan Ngọc	Diệp	12/03/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	3.12	Khá	
6	11.01.14.007	Nguyễn Văn	Đức	24/06/1995	Châu Thành, tỉnh Long An	2.92	Khá	
7	11.01.14.008	Nguyễn Thị Thủy	Đung	03/07/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.06	Khá	
8	11.01.14.009	Đào Đoàn Công	Đuy	28/09/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.18	Khá	
9	11.01.14.100	Đoàn Thị Mỹ	Đuyên	11/10/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.21	Giỏi	
10	11.01.14.101	Tạ Thái Hà	Giảng	10/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.93	Khá	
11	11.01.14.103	Nguyễn Thị Ngọc	Hào	10/02/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.15	Khá	
12	11.01.14.104	Hạnh Thị Mỹ	Hạnh	07/04/1996	Chợ Lách, Bến Tre	3.55	Giỏi	
13	11.01.14.105	Tiền Thị Mỹ	Hạnh	21/08/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	3.52	Giỏi	
14	11.01.14.106	Nguyễn Nhật	Hào	27/07/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.78	Trung bình	
15	11.01.14.109	Nguyễn Thị Thủy	Huyền	16/07/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.16	Khá	
16	11.01.14.110	Phan Thị Mộng	Khai	13/01/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.04	Khá	
17	11.01.14.111	Tiền Thị Mỹ	Khang	28/09/1996	Giảng Trí, Bến Tre	2.67	Trung bình	
18	11.01.14.112	Nguyễn Tuấn	Kiệt	14/08/1995	TP Hồ Chí Minh	3.11	Khá	
19	11.01.14.113	Nguyễn Thị Thủy	Lân	19/06/1996	Cái Bè, Tiền Giang	3.30	Giỏi	
20	11.01.14.115	Phạm Như Ngọc	Linh	20/03/1996	Phước Quới, Kiên Giang	3.12	Khá	
21	11.01.14.117	Phạm Thị Thủy	Linh	25/06/1996	Mỏ Cày Mới, Bến Tre	3.18	Khá	
22	11.01.14.119	Nguyễn Thị Ngọc	Mạnh	19/06/1996	Cái Bè, Tiền Giang	2.89	Khá	
23	11.01.14.120	Nguyễn Lê Thanh	Ngân	13/12/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	3.24	Giỏi	
24	11.01.14.121	Tiền Thị Huyền	Ngân	30/01/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.96	Khá	
25	11.01.14.122	Tiền Thị Tuyết	Ngân	01/08/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	3.23	Giỏi	
26	11.01.14.123	Nguyễn Thu	Ngọc	20/09/1992	Châu Thành, Tiền Giang	2.92	Khá	
27	11.01.14.124	Nguyễn Văn	Ngọc	30/12/1995	Tân Hưng, Long An	2.92	Khá	
28	11.01.14.125	Vũ Thị Vân	Ngọc	19/12/1996	Cái Bè, Tiền Giang	3.09	Khá	
29	11.01.14.126	Nguyễn Thị Kim	Nhi	16/11/1996	địa phương Công, Tiền Giang	2.86	Khá	
30	11.01.14.127	Đương Hồng	Nho	09/08/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.97	Khá	



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Bảng học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
						THCTL		
31	11.01.14.129	Nguyễn Thị Tiểu	Phượng	30/06/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	3.43	Giỏi	
32	11.01.14.130	Trương Lê Gia	Quí	26/05/1996	Châu Thành, Bến Tre	2.67	Trung bình	
33	11.01.14.131	Tôn Thị Kim	Quỳnh	10/07/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	2.99	Khá	
34	11.01.14.132	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	19/11/1996	Thị xã Gò Công, Tiền Giang	3.08	Khá	
35	11.01.14.133	Trần Thị Mui	Thi	09/02/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.69	Trung bình	
36	11.01.14.134	Vũ Thị Thanh	Thùy	16/03/1996	Hành Đức, Bến Tre	2.79	Trung bình	
37	11.01.14.135	Nguyễn Thảo Thúy	Tiến	25/08/1996	Cái Bè, Tiền Giang	3.04	Khá	
38	11.01.14.136	Phạm Thanh	Tiến	25/01/1996	TP Mỹ Tho, Tiền Giang	2.62	Trung bình	
39	11.01.14.138	Nguyễn Phan Đại	Yến	02/12/1995	Hành Đức, Bến Tre	2.99	Khá	
40	11.01.14.187	Phạm Thị Yên	Nhì	13/07/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	2.85	Khá	

Tổng cộng danh sách này có: 40

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	8	20.00%	TB	6	15.00%
Khá	26	65.00%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH


BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Hùng VI

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 149 /QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2014-2017

Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Nghành đào tạo: Điều dưỡng

Chuyên ngành: Điều dưỡng cao đẳng

Lớp học: Điều dưỡng cao đẳng 7B

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
					THC.TL		
1	11.01.14.002	Nguyễn Thị Trường An	24/11/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.99	Khá	
2	11.01.14.047	Nguyễn Trinh Xuân An	4/8/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.29	Giỏi	
3	11.01.14.048	Nguyễn Thị Nhung Cẩm	11/7/1996	Bình Đại, Bến Tre	2.97	Khá	
4	11.01.14.049	Đoàn Ngọc Diễm	24/08/1999	Châu Thành, Tiền Giang	2.89	Khá	
5	11.01.14.050	Trương Thị Duyên	18/07/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.82	Khá	
6	11.01.14.051	Đặng Ngọc Hân	09/8/1996	Giồng Trôm, Bến Tre	2.45	Khá	
7	11.01.14.052	Trương Thị Thanh Hằng	16/08/1992	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.48	Xếp loại	
8	11.01.14.053	Nguyễn Thị Hữu Hạnh	26/04/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.45	Giỏi	
9	11.01.14.054	Trần Thị Thu Hồng	03/6/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.10	Giỏi	
10	11.01.14.055	Phan Thị Ngọc Hương	20/03/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.10	Giỏi	
11	11.01.14.056	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	27/07/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.97	Khá	
12	11.01.14.059	Lê Thị Trúc Ly	22/03/1996	Gà Công, Tiền Giang	3.10	Khá	
13	11.01.14.060	Vũ Thị Ly	08/4/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	2.95	Khá	
14	11.01.14.061	Trần Thị Ngọc Mân	01/9/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	3.02	Khá	
15	11.01.14.062	Hạ Nhật Thị Kim Ngân	04/01/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.73	Trung bình	
16	11.01.14.064	Nguyễn Thọ Nghĩa	28/08/1996	Cao Lãnh, Đồng Tháp	3.19	Khá	
17	11.01.14.065	Nguyễn Hoàng Ai Nguyễn	13/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.70	Trung bình	
18	11.01.14.066	Lê Thị Nhiều	19/02/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.22	Giỏi	
19	11.01.14.067	Phạm Huỳnh Như	22/05/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.32	Giỏi	
20	11.01.14.069	Lê Thị Quỳn	08/11/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.90	Khá	
21	11.01.14.070	Nguyễn Thị Diễm Sương	12/06/1995	Mỏ Cày Nam, Bến Tre	2.95	Khá	
22	11.01.14.071	Nguyễn Duy Tân	19/05/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	3.81	Khá	
23	11.01.14.072	Nguyễn Thị Huệ Thanh	14/05/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.97	Khá	
24	11.01.14.073	Ngô Thị Phương Thảo	24/12/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.37	Giỏi	
25	11.01.14.075	Nhà Thị Thanh Thuận	06/04/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.76	Trung bình	
26	11.01.14.076	Chung Mỹ Diễm Thay	07/11/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.81	Khá	
27	11.01.14.078	Hoàng Thị Cẩm Tiên	16/04/1996	Châu Thành, Bến Tre	2.71	Trung bình	
28	11.01.14.079	Ngô Thị Cẩm Tiên	07/02/1996	Mang Thát, Vĩnh Long	2.84	Khá	
29	11.01.14.080	Phan Thị Thanh Tiễn	13/07/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.92	Khá	
30	11.01.14.081	Hồ Thị Thủy Trang	13/06/1996	Giồng Trôm, Bến Tre	2.74	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
						TĐCTL		
11	11.01.14.082	Phan Thị Thảo	Tính	19/05/1995	Cái Bè, Tiền Giang	2.80	Khá	
12	11.01.14.083	Lê Hoàng Thanh	Trần	08/12/1996	TP Tân An, Long An	3.20	Giỏi	
13	11.01.14.085	Huỳnh Thị Lan	Tuyền	14/09/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	3.51	Giỏi	
14	11.01.14.086	Phan Thị	Tuyết	21/01/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	1.15	Khá	
15	11.01.14.087	Nguyễn Tường	Vân	30/11/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.95	Khá	
16	11.01.14.090	Trần Hồng	Nguồn	12/11/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	2.81	Khá	
17	11.01.14.091	Lê Thị Hoàng	Vân	25/03/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.99	Khá	

Tổng cộng danh sách này có: 37

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	1	2.70%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	9	24.32%	TB	5	13.51%
Khá	22	59.46%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH


BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Hùng Vĩ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Được hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2017

Ngành đào tạo: Điều dưỡng

Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học

Chuyên ngành: Điều dưỡng cao đẳng

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Lớp học: Điều dưỡng cao đẳng 7A

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
						TBCTL		
1	11.01.14.001	Lê Thị Thủy	An	14/06/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	2.56	Trung bình	
2	11.01.14.004	Nguyễn Thị Ngọc	Đệp	10/02/1996	TP Bến Tre, Bến Tre	2.75	Trung bình	
3	11.01.14.007	Hương Dương Hiếu	Duyên	08/5/1996	Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	2.86	Khá	
4	11.01.14.008	Lý Thị Ngọc	Giàu	23/09/1996	Cao Lãnh, Đồng Tháp	3.00	Khá	
5	11.01.14.009	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	06/09/1996	Cái Bè, Tiền Giang	3.01	Khá	
6	11.01.14.010	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	10/10/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	3.03	Khá	
7	11.01.14.011	Tạ Thị Thu	Hiền	13/02/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	2.78	Trung bình	
8	11.01.14.012	Lê Thanh	Liên	06/7/1995	Cổ Công Đồng, Tiền Giang	2.15	Khá	
9	11.01.14.016	Lâm Châu Thủy	Linh	18/02/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	2.73	Trung bình	
10	11.01.14.017	Tôn Trương Ngọc	Mai	25/05/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	3.24	Giỏi	
11	11.01.14.018	Tôn Thị Diễm	Mỹ	21/11/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	3.02	Khá	
12	11.01.14.019	Nguyễn Phương	Ngân	17/02/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	3.02	Khá	
13	11.01.14.020	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	10/6/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.88	Khá	
14	11.01.14.022	Trương Thị	Nhuân	10/02/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	2.77	Trung bình	
15	11.01.14.023	Hồ Thị Huỳnh	Nhu	21/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.79	Trung bình	
16	11.01.14.024	Lê Thị Hồng	Nhung	25/10/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.81	Khá	
17	11.01.14.025	Nguyễn Tuấn Phi	Ngo	11/06/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	3.29	Giỏi	
18	11.01.14.026	Bùi Hoàng	Quyên	24/12/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.36	Giỏi	
19	11.01.14.027	Nguyễn Thị Bích	Quyên	25/02/1995	TP Bến Tre, Bến Tre	2.91	Khá	
20	11.01.14.028	Tôn Văn	Son	21/06/1995	Bình Xuyên, Gò Công, Tiền Giang	2.85	Khá	
21	11.01.14.029	Nguyễn Hòa	Tâm	11/04/1995	Chợ Lách, Bến Tre	3.02	Khá	
22	11.01.14.029	Nguyễn Thanh	Tâm	20/08/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	2.70	Trung bình	
23	11.01.14.031	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	05/02/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.94	Khá	
24	11.01.14.033	Tôn Thị Yên	Thị	12/12/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	2.78	Trung bình	
25	11.01.14.034	Nguyễn Quốc	Thịnh	10/01/1995	Châu Thành, Tiền Giang	2.92	Khá	
26	11.01.14.035	Nguyễn Văn	Thương	13/02/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	3.14	Khá	
27	11.01.14.036	Nguyễn Thị Diễm	Thủy	18/10/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	2.99	Khá	
28	11.01.14.038	Nguyễn Thị Ngọc	Tâm	29/08/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	3.04	Khá	
29	11.01.14.040	Đặng Thị Ái	Trinh	01/01/1996	TP Bến Tre, Bến Tre	2.43	KNS	
30	11.01.14.041	Nguyễn Thị Cẩm	Tạ	14/11/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.24	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
					TBCTL		
31	11.01.14.042	Tiền Thị Cẩm Tú	16/02/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	3.00	Khá	
32	11.01.14.043	Lai Thanh Tuyền	22/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.01	Khá	
33	11.01.14.045	Phạm Thị Thủy	20/03/1995	Châu Thành, Tiền Giang	2.82	Trung bình	
34	11.01.14.046	Phạm Hồng Nายน	08/00/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.25	Giỏi	
35	11.01.14.057	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10/7/1996	Cố Công Tây, Tiền Giang	2.66	Trung bình	

Tổng cộng danh sách này có: 35

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	5	14.29%	TB	19	28.57%
Khá	20	57.14%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Đơn hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2014-2017

Ngành đào tạo: Dược học

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ cao đẳng

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Lớp học: Dược sĩ cao đẳng 1E

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
						TBC TL		
1	11.03.14.188	Dương Trường	An	22/03/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.74	Trung bình	
2	11.03.14.189	Trần Huỳnh	An	10/08/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.77	Trung bình	
3	11.03.14.190	Trần Thị Ngọc	Ấn	05/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.07	Khá	
4	11.03.14.191	Huỳnh Hồng	Anh	11/06/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.55	Trung bình	
5	11.03.14.192	Nguyễn Thụy Văn	Anh	18/07/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.82	Khá	
6	11.03.14.193	Nguyễn Thị Ngọc	Ấn	25/08/1996	Cai Bè, Tiền Giang	2.96	Khá	
7	11.03.14.194	Trần Thị Ngọc	Dương	28/05/1995	Châu Thành, Tiền Giang	3.04	Khá	
8	11.03.14.196	Vũ Thị Thu	Hiếu	09/12/1995	Tân Thành, Long An	3.14	Khá	
9	11.03.14.197	Tiền Minh	Hiếu	08/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.97	Khá	
10	11.03.14.198	Nguyễn Thanh	Hương	09/08/1995	TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long	3.20	Giỏi	
11	11.03.14.199	Trần Thị Phương	Huỳnh	06/09/1996	Tân Phước, Tiền Giang	2.77	Trung bình	
12	11.03.14.200	Nguyễn Thị Yến	Khoa	28/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.22	Giỏi	
13	11.03.14.202	Trần Hữu Hồng	Linh	04/05/1996	Dầu Trơng, Lâm Đồng	2.90	Khá	
14	11.03.14.203	Vũ Thị Trúc	Linh	25/06/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.24	Giỏi	
15	11.03.14.204	Trương Thị Diễm	Lợi	29/11/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.90	Khá	
16	11.03.14.205	Vũ Thành	Long	16/09/1996	Vĩnh Châu, Sóc Trăng	2.88	Khá	
17	11.03.14.206	Trần Văn	Luân	07/08/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.28	Giỏi	
18	11.03.14.207	Trần Thị Trà	Mỹ	07/05/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.32	Khá	
19	11.03.14.208	Trần Thị Hoàng	Mỹ	17/04/1996	Gò Công, Tiền Giang	3.29	Giỏi	
20	11.03.14.209	Trần Văn	Ngon	24/10/1995	Cai Bè, Tiền Giang	3.20	Giỏi	
21	11.03.14.213	Vũ Thị Lân	Nghi	08/02/1996	Cai Bè, Tiền Giang	2.97	Khá	
22	11.03.14.215	Phạm Thị Kim	Nguyễn	24/04/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	2.75	Trung bình	
23	11.03.14.217	Trần Thị Hồng	Nhưng	12/07/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	2.87	Khá	
24	11.03.14.218	Trần Quang	Phúc	26/03/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.84	Khá	
25	11.03.14.219	Trần Thị Mỹ	Phúc	15/01/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	3.09	Khá	
26	11.03.14.221	Thịa Thị	Thu	30/05/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.32	Giỏi	
27	11.03.14.222	Trần Lê	Thu	25/09/1996	Gò Công, Tiền Giang	2.91	Khá	
28	11.03.14.223	Trần Thị Cẩm	Thu	11/05/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.92	Khá	
29	11.03.14.224	Đào Minh	Thuận	24/06/1995	Châu Thành, Tiền Giang	2.86	Khá	
30	11.03.14.226	Trần Thị Cẩm	Tiến	17/10/1996	Gò Công, Tiền Giang	3.14	Khá	
31	11.03.14.227	Trần Thị Bích	Trần	28/11/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.88	Khá	
32	11.03.14.228	Cà Thị Huyền	Trang	10/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.68	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
						TBCTL		
33	11.03.14.229	Trịnh Thị Thanh	Tiểu	20/06/1998	Cái Lậy, Tiền Giang	2,79	Trung bình	
34	11.03.14.230	Vu Tuấn	Trung	15/05/1996	Tháp Mười, Đồng Tháp	3,01	Khá	
35	11.03.14.231	Tần Thị Cầm	Tiểu	27/06/1995	Gà Công Đông, Tiền Giang	3,13	Khá	
36	11.03.14.232	Nguyễn Dương Thanh	Tuyển	05/05/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2,68	Trung bình	
37	11.03.14.233	Trịnh Thị	Lớn	05/01/1996	Cái Bè, Tiền Giang	2,64	Trung bình	
38	11.03.14.234	Đặng Văn	Xuất	08/10/1996	Gà Công Đông, Tiền Giang	2,96	Khá	
39	11.03.14.246	Lê Thị Thu	Nguyệt	20/07/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	3,46	Giỏi	
40	11.03.14.247	Nguyễn Ngọc Thảo	Trung	10/06/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3,00	Khá	

Tổng cộng danh sách này có: 40

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0,00%	TB Khá	0	0,00%
Giỏi	8	20,00%	TB	9	22,50%
Khá	23	57,50%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2017

Ngành đào tạo: Dược học

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ cao đẳng

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Lớp học: Dược sĩ cao đẳng 1A

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
					THC.TL		
1	11.03.14.001	Đặng Nguyễn Xuân An	02/12/1995	Giồng Trôm, Bến Tre	2.96	Khá	
2	11.03.14.002	Hà Thị Kiều Anh	06/08/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.01	Khá	
3	11.03.14.003	Thái Anh	21/07/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.08	Khá	
4	11.03.14.004	Nguyễn Hoài Bảo	23/02/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.58	Trung bình	
5	11.03.14.005	Bùi Ngọc Bích	05/03/1995	Cao Lãnh, Đồng Tháp	3.05	Khá	
6	11.03.14.007	Phan Hoàng Đại	25/08/1996	Bình Đại, Bến Tre	3.44	Trung bình	
7	11.03.14.009	Đặng Thị Hồng Diễm	16/06/1996	Giồng Trôm, Bến Tre	3.24	Giỏi	
8	11.03.14.010	Đỗ Thị Kiều Diễm	18/12/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.68	Trung bình	
9	11.03.14.012	Đỗ Huỳnh Như Đoàn	16/05/1996	TX Bến Tre, Bến Tre	2.88	Khá	
10	11.03.14.013	Đương Thị Kiều Duyên	08/04/1996	Gò Công, Tiền Giang	2.83	Khá	
11	11.03.14.015	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	25/01/1995	Châu Thành, Tiền Giang	2.89	Khá	
12	11.03.14.016	Đặng Thị Cẩm Giang	23/03/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.68	Trung bình	
13	11.03.14.019	Hà Thị Mai Hương	04/09/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.17	Khá	
14	11.03.14.020	Nguyễn Thị Thanh Hương	16/05/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.72	Trung bình	
15	11.03.14.021	Huỳnh Thị Thanh Huyền	20/02/1994	Gò Công Tây, Tiền Giang	3.08	Khá	
16	11.03.14.022	Lê Thị Mai Huỳnh	11/08/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.67	Trung bình	
17	11.03.14.023	Trần Quang Lễ	15/12/1995	Châu Thành, Tiền Giang	2.84	Khá	
18	11.03.14.024	Mai Thị Lili	26/03/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.57	Giỏi	
19	11.03.14.026	Trần Diễm Mĩ	18/02/1995	Tân Phước, Tiền Giang	3.06	Khá	
20	11.03.14.027	Nguyễn Thị Thùy Ngân	27/07/1995	Tân Thành, Long An	2.97	Khá	
21	11.03.14.029	Nguyễn Hoàng Yên Nhi	17/11/1996	Mã City, Bến Tre	2.98	Khá	
22	11.03.14.030	Mai Trà Huỳnh Như	17/06/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.93	Khá	
23	11.03.14.031	Đỗ Hoàng Phúc	30/04/1995	Tân Phước, Tiền Giang	2.68	Trung bình	
24	11.03.14.032	Tần Hồng Phước	28/09/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.81	Khá	
25	11.03.14.033	Bùi Thị Mỹ Phương	28/02/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.11	Khá	
26	11.03.14.034	Cao Ngọc Phương Quyền	30/06/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.29	Giỏi	
27	11.03.14.035	Võ Thị Hồng Quyền	05/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.31	Giỏi	
28	11.03.14.036	Hàn Thị Thu Thảo	03/03/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.05	Khá	
29	11.03.14.037	Hà Thanh Quang Thiện	19/11/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.66	Trung bình	
30	11.03.14.039	Huỳnh Anh Thư	02/08/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.74	Xuất sắc	
31	11.03.14.040	Đào Thị Thanh Thủy	20/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.92	Khá	
32	11.03.14.041	Nguyễn Tài Mỹ Tiên	15/06/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.30	Giỏi	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
						TBCTL		
33	11.03.14.042	Ngô Ngọc Minh	Trần	26/01/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.47	Trung bình	
34	11.03.14.040	Lâm Quỳnh	Trang	28/09/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.89	Khá	
35	11.03.14.043	Đỗ Thị Mộng	Tuyền	14/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.88	Khá	
36	11.03.14.046	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	08/08/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.16	Khá	
37	11.03.14.047	Nguyễn Dã	Vinh	27/03/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.07	Khá	
38	11.03.14.239	Nguyễn Thị Trúc	Đào	03/05/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	2.94	Khá	
39	11.03.14.240	Nguyễn Thị Kiều	Mỹ	03/12/1996	Tân Thành, Long An	3.02	Khá	

Tổng cộng danh sách này có: 39

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	1	2.56%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	5	12.82%	TB	9	23.08%
Khá	24	61.54%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH



BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vĩ

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Bao gồm kèm theo Quyết định số: **144** /QĐ-CDYT, ngày **14** tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

Khoá học: 2014-2017

Ngành đào tạo: Dược học

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ cao đẳng

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Lớp học: Dược sĩ cao đẳng 1B

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
						TBCTL		
1	11.03.14.048	Lê Thị Tuyết	An	08/04/1995	TX Bến Tre, Bến Tre	2.60	Trung bình	
2	11.03.14.050	Lê Thanh	Đức	14/12/1996	Tân Phước, Tiền Giang	2.61	Trung bình	
3	11.03.14.051	Ngô Lâm Hoàng	Đức	06/10/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	2.76	Trung bình	
4	11.03.14.052	Luong Thị Thùy	Hằng	11/05/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.14	Khá	
5	11.03.14.053	Mai Thị Thái	Hằng	20/01/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	2.73	Trung bình	
6	11.03.14.056	Lê Thị Ngọc	Kiều	28/09/1995	Gò Công Đông, Tiền Giang	2.77	Trung bình	
7	11.03.14.057	Lê Thị Tuyết	Lan	02/12/1996	TX Gò Công, Tiền Giang	2.71	Trung bình	
8	11.03.14.059	Nguyễn Thị Kim	Mỹ	09/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.95	Khá	
9	11.03.14.060	Lý Thị Cẩm	Ngân	18/01/1996	TP. HCM	2.99	Khá	
10	11.03.14.062	Phạm Văn	Ngọc	20/11/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.74	Trung bình	
11	11.03.14.063	Lý Bình	Mỹ	26/06/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.01	Khá	
12	11.03.14.064	Ngô Văn	Mỹ	25/04/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.91	Khá	
13	11.03.14.065	Lê Hiệp Hoài	Mưu	18/10/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.92	Khá	
14	11.03.14.066	Phan Thị Tuyết	Mưu	29/10/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	2.88	Khá	
15	11.03.14.068	Ngô Thị Kim	Phước	24/02/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	3.09	Khá	
16	11.03.14.068	Nguyễn Quý	Phượng	03/07/1995	Gò Công Đông, Tiền Giang	2.89	Khá	
17	11.03.14.070	Lại Ngọc	Phượng	02/04/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.88	Khá	
18	11.03.14.071	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	29/04/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	2.85	Khá	
19	11.03.14.072	Lê Thanh	Quý	07/03/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.78	Trung bình	
20	11.03.14.073	Ngô Thị Như	Quốc	10/11/1996	Tân Thành, Long An	3.13	Khá	
21	11.03.14.075	Lê Thị Hồng	Thần	12/09/1996	CM Bè, Tiền Giang	2.72	Trung bình	
22	11.03.14.076	Lê Thị Phương	Thảo	11/09/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3.20	Giỏi	
23	11.03.14.077	Lý Trần Nam	Thị	07/06/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.71	Trung bình	
24	11.03.14.078	Luong	Thiện	01/01/1995	Châu Thành, Tiền Giang	2.86	Khá	
25	11.03.14.079	Nguyễn Trí	Thống	05/07/1995	Châu Thành, Tiền Giang	2.91	Khá	
26	11.03.14.080	Lê Nguyễn Anh	Thư	06/02/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	2.85	Khá	
27	11.03.14.081	Nguyễn Thị	Thy	26/06/1996	Tân Thành, Long An	3.02	Khá	
28	11.03.14.082	Lê Đình Phụng	Tiến	24/10/1993	Mỏ Cày, Bến Tre	3.14	Khá	
29	11.03.14.083	Mai Thị Mỹ	Tiến	22/08/1996	Mỏ Cày, Bến Tre	3.21	Giỏi	
30	11.03.14.084	Nguyễn	Trần	05/05/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.79	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
						TBCTL		
31	11.03.14.085	Phan Lê Bảo	Trần	26/11/1998	Bà Rịa, Lâm Đồng	2.60	Trung bình	
32	11.03.14.086	Nguyễn Diễm Thanh	Trang	12/04/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.82	Khá	
33	11.03.14.087	Nguyễn Thanh	Tiến	05/04/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.83	Khá	
34	11.03.14.088	Lê Vũ	Trương	16/06/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	2.93	Khá	
35	11.03.14.089	Ngô Thị Cẩm	Tà	26/07/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	2.76	Trung bình	
36	11.03.14.090	Lê Thị Anh	Tuyết	12/03/1996	Cái Bè, Tiền Giang	2.88	Khá	
37	11.03.14.091	Nguyễn Thị Tê	Uyên	20/02/1996	TT Mỹ Cày, Bến Tre	3.00	Khá	
38	11.03.14.093	Nguyễn Tấn	Việt	20/02/1996	Cái Bè, Tiền Giang	3.10	Khá	
39	11.03.14.131	Nguyễn Minh	Thuật	04/12/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.96	Khá	
40	11.03.14.235	Nguyễn Phương	Thảo	17/04/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.94	Khá	
41	11.03.14.236	Nguyễn Thu	Trang	31/08/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.73	Trung bình	
42	11.03.14.241	Nguyễn Thị Cẩm	Tiến	25/08/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	3.36	Giỏi	

Tổng cộng danh sách này có: 42

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	3	7.14%	TB	14	33.33%
Khá	25	59.52%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH


BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Hàng VI

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Bảng danh kê theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2017

Ngành đào tạo: Dược học

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ cao đẳng

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Lớp học: Dược sĩ cao đẳng 1C

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
					TBCTL		
1	11.03.14.094	Nguyễn Lâm Ngọc Ánh	11/09/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.91	Khá	
2	11.03.14.095	Nguyễn Quốc Bảo	16/10/1996	Mỏ Cày, Bến Tre	2.69	Trung bình	
3	11.03.14.096	Nguyễn Mạnh Cầm	16/01/1996	Cái Bè, Tiền Giang	2.82	Khá	
4	11.03.14.097	Nguyễn Thị Hồng Đào	11/11/1995	Gò Công, Tiền Giang	3.12	Khá	
5	11.03.14.098	Nguyễn Lu Ngọc Diễm	29/11/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.78	Trung bình	
6	11.03.14.099	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	26/06/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.61	Khá	
7	11.03.14.100	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	26/12/1996	Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	2.99	Khá	
8	11.03.14.101	Nguyễn Thị Hồng Gấm	11/02/1996	Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	3.16	Khá	
9	11.03.14.103	Nguyễn Phương Hải	11/01/1996	Mỏ Cày Nam, Bến Tre	2.90	Khá	
10	11.03.14.104	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	12/05/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.64	Trung bình	
11	11.03.14.106	Nguyễn Phước Khánh	28/03/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.68	Trung bình	
12	11.03.14.107	Nguyễn Thị Mạnh Khương	14/07/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.61	Trung bình	
13	11.03.14.108	Nguyễn Thị Mỹ Linh	23/11/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.46	Giỏi	
14	11.03.14.109	Nguyễn Phạm Ngọc Liên	02/12/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	3.21	Giỏi	
15	11.03.14.110	Nguyễn Thanh Mai	24/11/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.70	Trung bình	
16	11.03.14.112	Nguyễn Thị Kim Năm	02/11/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.05	Khá	
17	11.03.14.113	Nguyễn Thị Kim Ngân	15/04/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	2.72	Trung bình	
18	11.03.14.114	Nguyễn Thị Kim Ngân	08/12/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.05	Khá	
19	11.03.14.116	Nguyễn Thị Bè Ngọc	18/10/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.74	Trung bình	
20	11.03.14.117	Nguyễn Lê Thái Nguyên	12/01/1995	Cái Lậy, Tiền Giang	2.84	Khá	
21	11.03.14.118	Nguyễn Thành Nhân	07/11/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.18	Khá	
22	11.03.14.119	Nguyễn Huỳnh Như	17/09/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.99	Khá	
23	11.03.14.120	Nguyễn Huỳnh Như	14/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.03	Khá	
24	11.03.14.121	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	26/09/1996	TX Bến Tre, Bến Tre	3.15	Khá	
25	11.03.14.122	Nguyễn Thị Nhung	16/02/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	3.29	Giỏi	
26	11.03.14.124	Nguyễn Thành Phát	22/04/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.91	Khá	
27	11.03.14.125	Nguyễn Thị Phi	21/05/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	3.75	Trung bình	
28	11.03.14.128	Nguyễn Lê Phương Thảo	19/01/1995	Cái Lậy, Tiền Giang	2.94	Khá	
29	11.03.14.130	Nguyễn Thị Hoài Thu	11/02/1996	Cái Bè, Tiền Giang	3.75	Trung bình	
30	11.03.14.132	Nguyễn Minh Thuận	08/08/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.73	Trung bình	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
					TĐCTL		
31	11.03.14.133	Nguyễn Thị Kiều Tiên	09/08/1995	Cái Lậy, Tiền Giang	2.32	Trung bình	
32	11.03.14.134	Trần Thị Ngọc Trâm	16/08/1996	Cái Bè, Tiền Giang	2.89	Khá	
33	11.03.14.135	Nguyễn Thị Hoài Trúc	03/01/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.25	Giỏi	
34	11.03.14.136	Nguyễn Ngân Tuyền	02/09/1996	Gò Công, Tiền Giang	2.88	Khá	
35	11.03.14.137	Nguyễn Huỳnh Như Ý	25/02/1996	Cái Bè, Tiền Giang	2.83	Khá	
36	11.03.14.138	Nguyễn Kim Yến	29/03/1996	Chợ Gạo, Tiền Giang	3.26	Trung bình	
37	11.03.14.139	Nguyễn Ngọc Khoa Yến	25/08/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2.65	Trung bình	
38	11.03.14.237	Đoàn Ngọc Thuê	15/11/1996	Cái Lậy, Tiền Giang	3.02	Khá	
39	11.03.14.238	Đương Thị Mỹ Linh	05/10/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	2.84	Khá	

Tổng cộng danh sách này có: 39

Bảng giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TĐ Khá	0	0.00%
Giỏi	4	10.26%	TĐ	14	35.90%
Khá	21	53.85%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Linda Khanh Hoi

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng VI

UBND TỈNH TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144 /QĐ-CDT, ngày 4 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2017

Ngành đào tạo: Dược học

Khoá: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ cao đẳng

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Lớp học: Dược sĩ cao đẳng 1D

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
					THCTL		
1	11.03.14.140	Nguyễn Thương Ngọc	An	16/05/1996	Gò Công, Tiền Giang	2.99	Khá
2	11.03.14.141	Phạm Thị Trường	An	15/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.93	Khá
3	11.03.14.142	Phạm Bình	An	09/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.81	Khá
4	11.03.14.143	Phạm Thị Ngọc	Ấch	26/08/1996	Gò Công, Tiền Giang	2.74	Trung bình
5	11.03.14.144	Nguyễn Thị Yến	Chí	21/06/1996	Chợ Lách, Bến Tre	2.85	Khá
6	11.03.14.145	Nguyễn Yên Thanh	Giảng	29/10/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.90	Khá
7	11.03.14.146	Phạm Thị Ngọc	Hà	21/09/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.18	Khá
8	11.03.14.147	Phạm Văn Thị	Hàn	03/10/1996	Mỏ Cày, Bến Tre	3.25	Giỏi
9	11.03.14.148	Phạm Thị Thanh	Hồng	10/11/1994	Châu Thành, Tiền Giang	2.79	Trung bình
10	11.03.14.149	Nguyễn Thị Phúc	Hậu	19/03/1995	Thạnh Phú, Bến Tre	3.32	Giỏi
11	11.03.14.150	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/10/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	3.57	Giỏi
12	11.03.14.151	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	10/02/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	2.83	Khá
13	11.03.14.153	Phạm Lý Ngọc	Linh	23/10/1996	Gò Công Đông, Tiền Giang	2.82	Khá
14	11.03.14.155	Phạm Thị Mỹ	Lương	12/03/1996	Gò Công, Tiền Giang	2.86	Khá
15	11.03.14.156	Thái Thị Ngọc	Mai	24/11/1995	Châu Thành, Tiền Giang	2.79	Trung bình
16	11.03.14.157	Nguyễn Thị Tuyết	Mỹ	04/11/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.83	Khá
17	11.03.14.158	Phạm Thụy Trì	Mỹ	13/08/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	3.32	Giỏi
18	11.03.14.159	Lê Thị Hồng	Nga	25/09/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.84	Khá
19	11.03.14.160	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	16/09/1996	Cai Bè, Tiền Giang	2.76	Trung bình
20	11.03.14.161	Nguyễn Thụy Kim	Ngân	23/05/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.81	Khá
21	11.03.14.162	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	15/08/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.95	Khá
22	11.03.14.163	Nguyễn Thị Yên	Nhi	04/08/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2.88	Khá
23	11.03.14.164	Nguyễn Trần Yến	Nhi	19/04/1996	Cai Bè, Tiền Giang	2.83	Khá
24	11.03.14.166	Phạm Thị Ngọc	Như	17/05/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	2.80	Khá
25	11.03.14.167	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/11/1996	Mỏ Cày, Bến Tre	3.06	Khá
26	11.03.14.168	Nguyễn Thị Kim	Sou	07/10/1996	Gò Công, Tiền Giang	2.79	Trung bình
27	11.03.14.169	Nguyễn Văn Hòa	Tài	28/05/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3.26	Giỏi
28	11.03.14.172	Phạm Thành	Thái	19/03/1996	Cai Bè, Tiền Giang	2.88	Khá
29	11.03.14.173	Phạm Văn	Thế	01/07/1995	Mỏ Cày, Bến Tre	2.88	Khá
30	11.03.14.174	Thương Thế	Thị	15/01/1996	Bà Trù, Bến Tre	2.87	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm học tập	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
					TBCTL		
31	11.03.14.176	Quách Thanh Tiến	11/06/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2,58	Khá	
32	11.03.14.177	Nguyễn Thai Trâm	01/02/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2,66	Trung bình	
33	11.03.14.178	Lê Nguyễn Ngọc Trâm	10/10/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3,33	Giỏi	
34	11.03.14.179	Trần Lê Bảo Trâm	19/08/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	2,68	Trung bình	
35	11.03.14.180	Nguyễn Thị Thuý Trưng	06/11/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3,30	Giỏi	
36	11.03.14.181	Nguyễn Thị Thuý Trưng	18/02/1996	Châu Thành, Tiền Giang	2,63	Trung bình	
37	11.03.14.182	Nguyễn Thị Thuý Trưng	24/04/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3,09	Khá	
38	11.03.14.183	Nguyễn Thị Thuý Trưng	24/09/1996	Gò Công Tây, Tiền Giang	3,16	Khá	
39	11.03.14.184	Phan Thị Diễm Trinh	22/05/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	3,06	Khá	
40	11.03.14.185	Quách Mộng Hồng Trinh	16/04/1996	Châu Thành, Tiền Giang	3,34	Giỏi	
41	11.03.14.186	Mai Thu Cầm Tú	26/03/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	3,09	Khá	
42	11.03.14.187	Phan Thị Cầm Tú	09/04/1995	Tân Phước, Tiền Giang	3,39	Giỏi	
43	11.03.14.195	Nguyễn Thị Thuý Dương	12/12/1995	Vĩnh Bình, Hải Phòng	2,92	Khá	
44	11.03.14.242	Trần Phước Minh	14/12/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	2,58	Trung bình	
45	11.03.14.243	Nguyễn Hồng Mạnh	27/12/1996	Vĩnh Hưng, Long An	2,84	Khá	

Tổng cộng danh sách này có: 45

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0,00%	TB Khá	0	0,00%
Giỏi	9	20,00%	TB	9	20,00%
Khá	27	60,00%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH


BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Hồng VI

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *14/H* /QĐ-CDYT, ngày *14* tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2015-2017

Ngành DT: Dược sĩ trung cấp

Khoá: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 22C

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngành	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LITH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.15.031	Bùi Thị Kim Ngân	Ngân	06/01/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.3	9.0	M			7.5			7.5			7.5	7.4	Khá
2	21.03.15.122	Vũ Thị Kim Chi	Chi	10/6/1997	Thanh Phú, Bến Tre	7.5	1.1	8.5			7.5			7.5			7.8	7.7	Khá
3	21.03.15.123	Nguyễn Văn Dế	Dế	24/02/1997	Tân Thạnh, Long An	6.5	8.9	5.0			6.0			5.5			5.5	6.0	Trung bình khá
4	21.03.15.128	Nguyễn Văn Ân	Ân	25/10/1997	Thanh Hóa, Long An	6.2	8.9	6.0			8.0			6.0			6.7	6.5	Trung bình khá
5	21.03.15.130	Trần Thanh Mỹ Hạnh	Hạnh	23/6/1994	Cái Bè, Tiền Giang	7.3	5.6	7.0			7.5			6.0			6.8	7.1	Khá
6	21.03.15.131	Trần Thị Mỹ Hằng	Hằng	23/8/1997	Gò Công, Tiền Giang	6.6	6.7	6.0			6.5			6.5			6.3	6.5	Trung bình khá
7	21.03.15.141	Nguyễn Thị Trê Mỹ	Mỹ	29/11/1997	Cái Lậy, Tiền Giang	6.6	8.9	8.0			5.5			7.0			6.8	6.7	Trung bình khá
8	21.03.15.142	Lê Ngọc Mỹ	Mỹ	1997	Cái Lậy, Tiền Giang	7.8	0.0	9.0			9.0			9.5			9.2	8.5	Giỏi
9	21.03.15.143	Lê Thị Ngọc Nga	Nga	24/4/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	8.9	6.5			5.5			5.0			5.7	6.2	Trung bình khá
10	21.03.15.145	Nguyễn Thị Diễm Ngân	Ngân	23/4/1997	Giồng Trôm, Bến Tre	6.7	3.3	6.5			6.5			6.0			6.3	6.5	Trung bình khá
11	21.03.15.146	Trần Thanh Nhà	Nhà	01/6/1997	TP Bến Tre, Bến Tre	6.4	4.4	5.5			5.5			6.5			5.8	6.1	Trung bình khá
12	21.03.15.147	Nguyễn Thị Trung Nhi	Nhi	07/3/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.4	13.3	7.0			6.5			6.0			6.5	6.5	Trung bình khá
13	21.03.15.149	Cao Thị Nhi	Nhi	19/4/1988	Trà Ôn, Vĩnh Long	7.1	0.0	8.5			8.5			7.0			8.0	7.6	Khá
14	21.03.15.151	Lê Thị Huỳnh Nâu	Nâu	08/11/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.6	0.0	5.0			6.5			6.0			5.8	6.2	Trung bình khá
15	21.03.15.152	Nguyễn Huỳnh Nâu	Nâu	13/5/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.3	10.0	7.5			5.5			6.5			6.5	6.4	Trung bình khá
16	21.03.15.153	Bùi Hữu Minh Nhut	Nhut	21/4/1982	Châu Thành, Tiền Giang	6.4	7.8	7.0			7.0			5.5			6.5	6.5	Trung bình khá
17	21.03.15.154	Đặng Hoài Phương	Phương	18/4/1995	Cái Bè, Tiền Giang	5.9	0.0	5.0			5.0			5.5			5.2	5.6	Trung bình

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTHH			THHN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
18	21.03.15.155	Khanh Chung	Phước	07/8/1997	Bình Đại, Bàu Trè	6,6	8,0	8,0			7,0			6,5			7,2	6,9	Trung bình khá
19	21.03.15.159	Nguyễn Hoàng Diễm	Quỳnh	09/12/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6,6	8,9	6,5			6,0			5,5			6,0	6,3	Trung bình khá
20	21.03.15.163	Dương Hoàng Chánh	Thạch	17/01/1997	Gò Công Đông, Tiền Giang	6,3	5,6	7,5			7,0			6,5			7,0	6,7	Trung bình khá
21	21.03.15.169	Nguyễn Thị Mến	Thương	13/10/1997	Châu Thành, Tiền Giang	6,7	1,1	8,5			7,0			5,5			7,0	6,9	Trung bình khá
22	21.03.15.171	Lê Cẩm	Tiến	19/3/1997		6,3	4,4	8,0			5,0			5,0			6,0	6,2	Trung bình khá
23	21.03.15.172	Nguyễn Thị Ngọc	Tiến	10/8/1997	Mỹ Tho, Tiền Giang	6,4	12,2	8,0			7,5			5,5			7,0	6,7	Trung bình khá
24	21.03.15.177	Trần Thanh	Vân	13/01/1988	Cái Bè, Tiền Giang	6,9	7,1	M			7,5			5,5			6,5	6,7	Trung bình khá
25	21.03.15.178	Nguyễn Huỳnh Thùy	Vi	21/11/1996	Tinh Bền Trè	6,5	5,6	5,5			5,0			5,5			5,5	5,9	Trung bình khá
26	21.03.15.182	Phan Thị Tuyết	Vy	15/9/1997	Gò Công Đông, Tiền Giang	6,7	14,4	5,5			6,5			5,0			5,7	6,2	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 26 học sinh.

- Xếp loại và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0,00%	TB Khá	19	73,08%
Giỏi	1	3,85%	TB	2	7,69%
Khá	4	15,38%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Xuân Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học sinh thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Học tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi như:
 - + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

Khóa học: 2015-2017

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 22C

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.15.168	Lê Thị Thanh	Thủy	26/8/1992	Cai Bè, Tiền Giang	6.2	8.9	6.0		6.0			4.0			5.3	5.8	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 1 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH


BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21B

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.085	Nguyễn Văn Phát	25/10/1992	Cai Lậy, Tiền Giang	6.3	12.2	5.5			6.0			5.5			5.7	6.0	Trung bình khá
2	21.03.14.090	Trần Thị Ngọc Suong	09/12/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.2	10.0	5.5			6.0			4.5	5.0		5.5	5.9	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có: 2 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	1	50.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	1	50.00%
Khá	0	0.00%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại

- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2

- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:

+ Có TL ĐVHT KD>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)

+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

- Thi lại tốt nghiệp:

+ Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.

+ Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoa học: 2014-2016

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21B

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBMH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.102	Nguyễn Ngọc Quyền Trần	15/12/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.3	10.0	8.0			5.0			4.0			5.7	6.0	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 1 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

HIỆU TRƯỞNG


BS. Trần Thanh Hải




Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *144/QĐ-CDYT*, ngày *14* tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21D

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.194	Võ Thị Hồng	Nhung	20/01/1996	Cái Bè, Tiền Giang	6.1	17.2	3.5	7.0		4.5	6.5		6.0			6.5	6.3	Trung bình khá
2	21.03.14.197	Phan Thị Mai	Phương	10/09/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.0	15.6	1.5	7.0		4.5	5.5		5.0			5.8	5.9	Trung bình
3	21.03.14.202	Phan Quốc	Thái	16/09/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.1	15.6	1.0	7.0		4.5	5.5		7.0			6.5	6.3	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 3 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Ti lệ	Xếp loại	SL	Ti lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	2	66.67%
Giỏi	0	0.00%	TB	1	33.33%
Khá	0	0.00%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBC TK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giới nếu :
 - + Có TL ĐVHT KB>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

HIỆU TRƯỞNG



BS. Trần Thanh Hải




Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **144** /QĐ-CDYT, ngày **14** tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21E

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.232	Nguyễn Thị Đông	Đông	10/02/1996	Bình Đại, Bến Tre	5,9	27,8	5,5		6,0			5,5			5,7	5,8	Trung bình
2	21.03.14.248	Nguyễn Dương	Nhi	14/05/1996	Tân Phước, Tiền Giang	5,8	20,0	5,0		5,5			5,0			5,2	5,5	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có: **2** học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Ti lệ	Xếp loại	SL	Ti lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	2	100.00%
Khá	0	0.00%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Học tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
 - + Có TL ĐVHT KD>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

HIỆU TRƯỞNG

BS. Trần Thanh Hải



Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2014-2016

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Dược sĩ trung cấp 21F

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.03.14.268	Vũ Ngọc Phương Hằng	02/08/1996	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.1	17.8	6.0			4.0	4.5	6.5	6.0			6.2	6.2	Trung bình khá
2	21.03.14.273	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	04/08/1996	Thống Nhất, Đồng Nai	6.5	13.2	7.5			6.0			7.0			6.8	6.7	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: **2 học sinh.**

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	2	100.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	0	0.00%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:
 - + Có TL ĐVHT KD>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vĩ

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

Khóa học: 2014-2016

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.5C

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.14.133	Nguyễn Văn Loa	09/10/1993	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	20.7	5.5			5.0			6.5			5.7	6.1	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: **1 học sinh.**

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	1	100.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	0	0.00%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:
 - + Có TL ĐVHT KĐ > 10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vĩ

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *144/QĐ-CDYT*, ngày *14* tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2012-2015

Ngành ĐT: Điều dưỡng

Khoa: Điều dưỡng - Kỹ thuật y học

Chuyên ngành: Điều dưỡng cao đẳng

Bậc đào tạo: Cao đẳng

Lớp học: Điều dưỡng cao đẳng 5C

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		
					THNN	CTTN	LTTH	ĐVHT	TBC	XLTN
1	10112162	Lê Huỳnh Hào	09/02/1993	Cái Lậy, Tiền Giang	3.0	5.0	5.0	176	6.69	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 1 Sinh viên.

* Xét và công nhận tốt nghiệp theo qui chế 25.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.5D

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.06.14.179	Phạm Thái	Hung	25/02/1993	Quảng Trạch, Quảng Bình	6.2	11.8	5	5.0		5.0		6.0			5.3	5.8	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có: **1** học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Ti lệ	Xếp loại	SL	Ti lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	1	100.00%
Khá	0	0.00%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại

- TBXH=(TBC TK+TBTN)/2

- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:

+ Có TL ĐVHT KĐ > 10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)

+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

- Thi lại tốt nghiệp:

+ Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.

+ Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vĩ

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016

Ngành DT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.CT7

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.04.14.049	Trần Thanh Trọng	21/06/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6,4	9,4	3,0	1,5	2,0	5,0			6,0			4,7	5,6	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 1 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vĩ

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2014-2016

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.DP7

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.05.14.002	Âu Phước Đạt	18/10/1996	Tân Thạnh, Long An	6.3	10.6	2.5	5.0		5.0			5.5			5.2	5.8	Trung bình
2	21.05.14.056	Động Trung Ngón	14/03/1996	Bình Đại, Bến Tre	6.5	7.1	8.0			5.0			6.0			6.3	6.4	Trung bình khá
3	21.05.14.047	Trần Nguyễn Quốc Vinh	28/10/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	6.2	15.3	5.0			5.0			6.0			5.3	5.8	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có: 3 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	1	33.33%
Giỏi	0	0.00%	TB	2	66.67%
Khá	0	0.00%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại

- TBXH=(TBC TK+TBTN)/2

- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:

+ Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)

+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

- Thi lại tốt nghiệp:

+ Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.

+ Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **144/QĐ-CDYT**, ngày **14** tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 09/2016-05/2017

Ngành ĐT: Định hướng Y học Cổ truyền

Khoa: Y

Chuyên ngành: Định hướng Y học Cổ truyền

Bậc đào tạo: Định hướng Chuyên khoa

Lớp học: Y sĩ ĐHCK Cổ truyền 2

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							LTTNCK			THNNCK						TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.04.16.011	Nguyễn Huỳnh Vương	Điền	01/02/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7.6	0.0	4.5	6.0		7.0					6.5	7.1	Khá
2	21.04.16.016	Phạm Võ Thùy	Dương	01/06/1994	Tiền Giang	6.9	5.9	5.5		6.0						5.8	6.4	Trung bình khá
3	21.04.16.027	Nguyễn Thành	Long	04/06/1996	Cai Lậy, Tiền Giang	7.5	0.0	4.5	6.0		8.0					7.0	7.3	Khá
4	21.04.16.043	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	11/12/1993	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	0.0	.0	5.0		7.0					6.0	6.7	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: **4 học sinh.**

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	2	50.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	2	50.00%			

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Học tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:
 - + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Jordan Thanh Hải



Nguyễn Hùng VI

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 944 /QĐ-CDYT, ngày 14 tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 09/2016-05/2017

Ngành ĐT: Định hướng Y học Dự phòng

Khoa: Y

Chuyên ngành: Định hướng Y học Dự phòng

Bậc đào tạo: Định hướng Chuyên khoa

Lớp học: Y sĩ ĐHCK Dự phòng 2

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							LTTNCK			THNNCK						TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	21.05.16.021	Nguyễn Thị Ý Nhi	10/02/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6,7	0,0	0,0	4,5		7,0						5,8	6,3	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 1 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **144** /QĐ-CDYT, ngày **14** tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2014-2016

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp vừa làm vừa học

Bậc đào tạo: Trung cấp vừa làm vừa học QC22

Lớp học: Dược sĩ trung cấp VLVH 22B

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	22.08.14.053	Bùi Thị Thu	Hương	11/09/1979	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.7	0.0	8.5			4.5	5.0		5.5			6.3	6.5	Trung bình khá
2	22.08.14.069	Trần Nhật	Quang	12/08/1982	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	0.0	M			5.0			4.5	6.0		5.5	6.0	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: **2** học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	2	100.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	0	0.00%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu:
 - + Có TL ĐVHT KD>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *144* /QĐ-CDYT, ngày *14* tháng 8 năm 2017, của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2014-2016

Ngành ĐT: Dược sĩ trung cấp

Khoa: Dược

Chuyên ngành: Dược sĩ trung cấp vừa làm vừa học

Bậc đào tạo: Trung cấp vừa làm vừa học QC22

Lớp học: Dược sĩ trung cấp VLVH 22B

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	22.08.14.077	Huỳnh Thị Thúy Trang	16/08/1982	Cái Lậy, Tiền Giang	6,4	0,0	6,0			7,0			4,5			5,8	6,1	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 1 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng Vi

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên
Đợt 2 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Căn cứ Quyết định số 5984/QĐ-BGDDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-CDYT ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Y tế Tiền Giang về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGDDĐT ngày 9 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 355/KH-CDYT ngày 14 tháng 7 năm 2017 về việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp tháng 7 năm 2017;

Căn cứ Biên bản số 398/BB-CDYT ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc họp Hội đồng xét tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên các lớp đợt 2 năm 2017;

Theo đề nghị của Phụ trách Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 632 học sinh, sinh viên các ngành đào tạo, gồm có:

- Điều dưỡng Cao đẳng khóa 7	156 sinh viên
- Hộ sinh Cao đẳng khóa 2	21 sinh viên
- Dược sĩ Cao đẳng khóa 1	205 sinh viên
- Điều dưỡng trung cấp khóa 22:	17 học sinh
- Dược sĩ trung cấp khóa 22:	106 học sinh
- Y sĩ khóa 6:	107 học sinh

- | | |
|---|-------------|
| - Dược sĩ trung cấp khóa 21 | 09 học sinh |
| - Y sĩ khóa 5 | 02 học sinh |
| - Y sĩ định hướng y học Dự phòng khóa 7 | 03 học sinh |
| - Dược sĩ vừa làm vừa học khóa 22 | 02 học sinh |
| - Định hướng Cổ truyền khóa 2 | 04 học sinh |

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trường các Phòng Tổ chức – Hành chính, Đào tạo – Nghiên cứu khoa học, Công tác Học sinh - Sinh viên, các phòng/khoa khác có liên quan và các học sinh, sinh viên có tên nêu ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hùng VI